



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Thời gian: 7h30' ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Bằng Giang.

Địa chỉ: số 01, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đoàn chủ tọa Đại hội, gồm:

1. Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT Công ty.
2. Ông Trần Văn Chương – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
7h30-8h00	1	Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông	Ban tổ chức
	2	Đăng ký và kiểm tra thông tin cổ đông	Ban Thẩm tra tư cách CD
8h00-8h40	3	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	4	- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Ban thẩm tra tư cách CD
	5	Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa	Ban tổ chức
	6	- Giới thiệu và thông qua Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tọa Đại hội
	7	Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tọa Đại hội
8h40-11h50	8	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021.	Đoàn chủ tọa Đại hội
	9	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	Đoàn chủ tọa Đại hội
	10	Báo cáo hoạt động của BKS 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021	Ban kiểm soát
	11	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020.	Phòng Tài chính Kế toán
	12	Tờ trình về việc thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	Phòng Tài chính Kế toán
	13	Tờ trình về việc thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021	Phòng Tài chính Kế toán
	14	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	Ban kiểm soát

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	15	Tờ trình thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”	Đoàn chủ tọa Đại hội
	16	Tờ trình thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty	Đoàn chủ tọa Đại hội
	17	Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát	Đoàn chủ tọa Đại hội
	18	Tờ trình thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT và đề cử bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021	Đoàn chủ tọa Đại hội
	19	- Trình bày, thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS. - ĐH tiến hành bầu cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2021. - Công bố kết quả bầu cử.	Ban kiểm phiếu
	20	Đại hội nghỉ giải lao	
	21	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung các báo cáo và tờ trình nêu trên	Đoàn chủ tọa Đại hội
	22	Biên bản kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
	23	Thông qua Biên bản và nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội
11h50-11h55	24	Bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tọa Đại hội
	25	Chào cờ kết thúc Đại hội	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 198/BC-KSLK

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

PHẦN I:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020

I. Đánh giá chung

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, sự chỉ đạo sát sao của sở ban ngành địa phương, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, HĐQT Công ty và sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể người lao động trong toàn Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2020 SXKD của Công ty còn gặp nhiều khó khăn như:

- Các mỏ khoáng sản khai thác của Công ty đều là những mỏ tận thu, trữ lượng và hàm lượng quặng không cao và không ổn định.

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là khối kinh doanh dịch vụ.

- Cơ sở hạ tầng còn hạn chế, thiết bị xuống cấp chưa đáp ứng được nhu cầu cho sản xuất.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Các chỉ tiêu chính

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu SXKD năm 2020

TT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2020 (theo NQ10 ngày 23.6.2020 của ĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2020	So sánh %
					TH 2020/KH 2020
I	Sản phẩm chủ yếu				
<i>1</i>	<i>Các sản phẩm sản xuất chủ yếu</i>				
-	Thiếc thỏi	Tấn	150	90	60%
-	Vàng cám 75% Au	Kg	5,0	2,66	53%
-	Ferro silic 45	Tấn	750	828	110%
<i>2</i>	<i>Các sản phẩm tiêu thụ</i>				
-	Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	150	124	83%
-	Vàng sa khoáng	Kg	5,0	2,66	53%
-	Ferro silic 45	Tấn	750	315	42%
II	Doanh thu	Tr.đồng	84.045	63.196	75,2%

TT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2020 (theo NQ10 ngày 23.6.2020 của ĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2020	So sánh %
					TH 2020/KH 2020
III	Lợi nhuận	Tr.đồng	2.218	2.035	92%
IV	Giá thành	Tr.đồng			
1	Giá thành sản xuất				
-	Thiếc thỏi	Tr.đ/tấn	356	284	80%
-	Vàng sa khoáng	Tr.đ/Kg	471	471	100%
-	Ferro silic 45	Tr.đ/tấn	18,2	15,5	86%
.2	Giá thành tiêu thụ				
-	Thiếc thỏi	Tr.đ/tấn	387	366	95%
-	Vàng sa khoáng	Tr. đ/Kg	587	601	102%
-	Ferro silic 45	Tr.đ/tấn	19,5	18,3	94%
3	Giá bán các sản phẩm				
-	Thiếc thỏi	Tr.đ/tấn	400	365	91%
-	Vàng sa khoáng	Tr. đ/Kg	600	843	141%
-	Ferro silic 45	Tr.đ/tấn	19,6	19,1	98%
V	Lao động việc làm				
-	Lao động bình quân	Người	200	176	88%
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	15.971	12.320	77%
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/T	6,7	6,4	96%
-	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/T	7,2	6,9	96%

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

2.1. Công tác quản trị chi phí

Trong năm, công tác quản trị chi phí đã từng bước được kiểm soát chặt chẽ. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất, sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu tại từng công đoạn sản xuất được theo dõi tổng hợp từng tuần/tháng để đánh giá và đưa ra giải pháp đảm bảo định mức giao khoán.

Hàng tháng đã triển khai việc nghiệm thu thanh quyết toán cho từng công đoạn sản xuất và đưa ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công trường, nhà máy đảm bảo hiệu quả.

Nhìn chung giá thành sản xuất, giá thành tiêu thụ các sản phẩm chính của Công ty đều đạt và thấp hơn kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Giá thành sản xuất:

+ Thiếc thỏi 99,75% Sn: 284 tr.đồng/tấn bằng 80%% KHN và bằng 75% năm 2019;

+ Vàng sa khoáng : 471 tr.đồng/kg bằng 100% KHN và bằng 100% năm 2019;

+ Ferro silic45%: 15,5 tr.đồng/tấn bằng 86% KHN và bằng 84% năm 2019.

- Giá thành tiêu thụ:

+ Thiếc thời 99,75% Sn: 366 tr.đồng/tấn bằng 95% KHN và bằng 56% năm 2019;

+ Vàng sa khoáng : 601 tr.đồng/kg bằng 102% KHN và bằng 64% năm 2019;

+ Ferro silic45%: 18,3 tr.đồng/tấn bằng 94% KH và bằng 58% năm 2019.

- Doanh thu đạt 63.196 tỷ đồng bằng 75,2% KHN bằng 150% năm 2019.

- Lợi nhuận: 2.035 tỷ đồng bằng 92% KHN, năm 2019 số âm.

Trong năm 2020, bên cạnh những mặt đạt được, công tác quản trị chi phí còn những hạn chế, tồn tại cần khắc phục như sau:

- Công tác xây dựng kế hoạch, xây dựng định mức còn chưa sát với điều kiện thực tế công trường, điều kiện thiết bị, nhân lực;

- Công tác cập nhật, kiểm soát tiêu hao vật tư tại các đơn vị ở một số thời điểm chưa thật sự sát sao, dẫn đến không phản ánh đúng, đủ về giá thành sản xuất các sản phẩm;

- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán còn chậm.

Nguyên nhân những hạn chế là do sự phối hợp giữa các phòng ban và phân xưởng chưa chặt chẽ, trình độ người thực hiện còn hạn chế, một số bộ phận còn thiếu sự chủ động trong công việc.

2.2. Công tác Khai thác, Tuyển khoáng

a) Công tác Khai thác

- Đất đá thải đạt 9.804 m³ bằng 2,5% KHN;

- Đất quặng khai thác đạt 328.412 m³ bằng 39% KHN;

- Hệ số bóc đạt 0,03 m³/tấn bằng 6% KHN;

- Cung độ vận chuyên: đất đá thải 0,37 km bằng 80%KHN, đất quặng 0,55 km bằng 71% KHN.

Trong năm 2020, Công ty chủ động triển khai xúc bốc chọn lọc đất quặng và bóc đất đá theo hướng phát triển của ô quặng để giảm các rủi ro trong quá trình bóc đất đá thải.

Công ty xây dựng kế hoạch bóc đất đá thải theo từng vùng hàm lượng quặng khác nhau để điều hành sản xuất, cụ thể như sau:

- Đối với đất đá chứa quặng có hàm lượng từ 200 ÷ 500 gam/m³ mà không phải bóc thải thì đưa về tuyển rửa đảm bảo hiệu quả;

- Đối với khu vực bóc thải có hệ số bóc $\geq 0,25$ m³/tấn, hàm lượng đất quặng phải đảm bảo ≥ 500 gam/m³ đưa về tuyển rửa mới có hiệu quả.



Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến công tác quản lý kỹ thuật mỏ để tiết giảm chi phí, từ việc bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo an toàn môi trường và đặc biệt là các tuyến đường vận chuyển trong khai trường của mỏ, các gương tầng xúc.

b) Công tác tuyển khoáng

- Khối lượng tuyển rửa : 332.493 tấn bằng 40% KHN;
- Sản phẩm tinh quặng thiếc 70%Sn đạt 136,7 tấn bằng 61% KHN;
- Thực thu tuyển thô đạt 81,4% bằng 102% KHN;
- Thực thu tuyển tinh đạt 95,4 % bằng 101% KHN.

Huy động 04 hệ tuyển hoạt động trong năm 2020. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đảm bảo định mức đề ra và triển khai tận thu triệt để các khoáng sản đi kèm.

Công tác Tuyển khoáng thực hiện còn một số hạn chế cần khắc phục:

- Việc xử lý nước lưu hồi chưa thật sự tối ưu ảnh hưởng đến công tác tuyển rửa, đặc biệt là trong mùa khô;
- Công tác sửa chữa thiết bị chưa kịp thời ảnh hưởng đến thời gian huy động thiết bị của xưởng tuyển.

2.3. Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim

a) Phát dẫn điện năng

Điện năng phát dẫn đạt 5,54 Tr.Kwh. Lượng điện sản xuất trong năm đảm bảo cung cấp cho các khu vực sản xuất ổn định. Công ty thường xuyên rà soát, kiểm tra các hệ thống đầu đập, đường máng và hệ thống phát dẫn để đưa ra các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là trước và sau các đợt mưa. Do vậy đã giảm được cơ bản các sự cố xảy ra. Trong năm 2020 không để xảy ra sự cố lớn nào ảnh hưởng đến sản xuất chung của Công ty (so với năm 2019 nhà máy thủy điện phải ngừng sản xuất 1 tháng để xử lý sự cố).

b) Luyện thiếc: Để đảm bảo chủ động nguồn tài chính duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Ngoài ra, do sản lượng tinh quặng thiếc vào lò/ 01 đời lò luyện thấp dẫn tới việc tự luyện thiếc không hiệu quả, thực thu trực tiếp thấp 94% (01 đời lò luyện có hiệu quả với sản lượng > 120 tấn); Việc tự luyện thiếc còn ảnh hưởng đến sản xuất sản phẩm khác. Do đó, Công ty không triển khai tự luyện thiếc thời mà thuê luyện với số lượng thiếc thời 99,75%Sn là 90 tấn, thực thu luyện 96%.

c) Luyện Ferro silic 45:

Sản lượng thực hiện đạt 828 tấn bằng 110%KHN và bằng 127% so với năm 2019.

Các tiêu hao chính đạt và thấp hơn kế hoạch đề ra, cụ thể như:

- Than cốc tiêu hao định mức đạt 0,84 tấn/tấn SP bằng 80% KHN;

- Quặng sắt tiêu hao định mức đạt 0,78 tấn/tấn SP bằng 97% KHN;
- Quặng Quắc zít tiêu hao định mức đạt 0,78 tấn/tấn SP bằng 81% KHN.

Đã tăng cường kiểm soát việc nấu luyện từ khâu xử lý nguyên liệu đầu vào đến khâu nấu luyện; Cập nhật hàng ngày các tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu, sản phẩm sản xuất; Điều phối khâu cung cấp điện đảm bảo cho lò hoạt động ổn định.

Tuy nhiên, một số các tiêu hao còn cao hơn kế hoạch đề ra. Nguyên nhân:

- Việc điều chỉnh công nghệ chưa được kịp thời;
- Chưa chủ động, quyết liệt trong quá trình trực tiếp điều hành sản xuất và kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào.

2.4. Công tác cơ điện

Công tác sửa chữa thiết bị đã có nhiều nỗ lực, thiết bị về cơ bản đều huy động được vào tham gia sản xuất.

Năm 2020 công tác cơ điện còn một số hạn chế cần khắc phục:

- Công tác sửa chữa trung đại tu thiết bị chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do điều kiện tài chính của Công ty trong năm gặp khó khăn;
- Trình độ tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật còn hạn chế;
- Việc kiểm tra, giám sát thực hiện các quy trình, quy phạm trong công tác vận hành và sửa chữa thiết bị chưa được thường xuyên;
- Công tác cập nhật, thống kê giờ huy động thiết bị, chế độ bảo dưỡng định kỳ chưa kịp thời.

2.5. Công tác ATMT

Thực hiện nghiêm túc về ATVSLĐ, PCCN, PCTT-TKCN, BVMT theo đúng các quy định của Pháp luật và các văn bản triển khai của Vimico, TKV. Đã triển khai thực hiện kế hoạch ATLD, BVMT; Thường xuyên kiểm tra các vị trí sản xuất để đánh giá các nguy cơ tiềm ẩn và đưa ra các biện pháp phòng ngừa. Năm 2020 không để xảy ra các vụ tai nạn lao động cũng như các sự cố về bảo vệ Môi trường. Tổng giá trị thực hiện công tác AT-VSLĐ đạt 671 tr.đồng bằng 98%KHN; Chi phí PCTT-TKCN-UCSC đạt 283 tr.đồng bằng 101% KHN; Công tác Bảo vệ Môi trường đạt 116 tr.đồng.

Công tác vệ sinh công nghiệp còn những hạn chế: Các vị trí sản xuất chưa gọn gàng; Sắp xếp dụng cụ, vật tư thiếu khoa học; Cảnh quan môi trường làm việc chưa được xanh - sạch - đẹp.

Công tác xử lý bùn sau tuyển còn gặp nhiều khó khăn hạn chế do không gian chứa bùn nhỏ, ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng thu hồi nước trong phục vụ sản xuất.

00121
 0NG
 0 PH
 0NG S
 0YEN
 00 Đ
 0NG 1

2.6. Công tác Lao động tiền lương

Triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

- Lao động đầu kỳ (kết thúc năm 2019): 238 người; cuối kỳ là: 170 người;

- Lao động sử dụng bình quân trong năm là: 176 người;

- Lương bình quân 6,4 tr.đồng/người/tháng, thu nhập bình quân đạt 6,9 tr.đồng/người/tháng bằng 99% KH và bằng 199% cùng kỳ năm 2019.

Ban hành đơn giá tiền lương theo từng công đoạn sản xuất gắn liền với sản phẩm cho các đơn vị.

Hạn chế cần khắc phục:

- Việc định mức nhân công ở một số công việc chưa chính xác, đặc biệt liên quan đến công tác gia công chế tạo, v.v...;

- Công tác quản lý nhân lực, nhân công thi công các công việc theo phiếu giao chưa sát với thực tế, v.v...

2.7. Công tác phát triển tài nguyên

- Hoàn thành việc xin giấy phép khai thác tận thu Bãi thải Thập Lục Phần.

- Hoàn thiện các công trình theo đề án đóng cửa mỏ thiếc Tĩnh Túc và đã có quyết định đóng cửa mỏ (Quyết định số 288 ngày 09/02/2021). Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng tỉnh để xin cấp chủ trương đầu tư và giấy phép khai thác tận thu tại bãi thải Khu Tây.

- Mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép: Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng mỏ theo ý kiến đóng góp của các phòng ban, lãnh đạo Tổng công ty. Năm 2021, Công ty tiếp tục làm việc với cơ quan Nhà nước để xin cấp chủ trương đầu tư và giấy phép khai thác mỏ.

2.8. Công tác đầu tư xây dựng : kết thúc năm 2020 đạt 1,36/15,9 tỷ đồng bằng 9% KHN.

PHẦN II:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: **An toàn - Hiệu quả - Phát triển.**

- Mục tiêu cụ thể:

+ Thiếc thỏi 99,75% Sn: 130 tấn;

+ Vàng cám: 2,0 kg;

- + Ferro silic 45: 720 tấn;
- + Doanh thu: 82.464 triệu đồng;
- + Lợi nhuận : 3.350 triệu đồng;
- + Tiền lương bình quân : 7,9 tr.đồng/người/tháng.
- + Công tác đầu tư xây dựng: 17.567 triệu đồng (trong đó: Xây dựng là 7.400 tr.đ; Thiết bị là 8.367 tr.đ; Quản lý, tư vấn, GPMB, khác là 1.800tr.đ)

II. Các giải pháp thực hiện

1. Tái cơ cấu, quản lý lao động, bảo quản sản phẩm:

- Tái cơ cấu xí nghiệp Chè đắng và Thương mại là đơn vị kinh doanh dịch vụ của Công ty đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- Tiếp tục rà soát lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội/phòng ban để định biên lại lao động, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động;
- Luôn luôn nêu cao ý thức, tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động từ lãnh đạo, cán bộ quản lý cấp phòng ban trở xuống;
- Tiếp tục duy trì tổ trực sản xuất của cấp phòng ban để hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất và kiểm soát sản phẩm đặc biệt là vào ca chiều đêm trong giai đoạn tổ chức sản xuất theo mô hình sản xuất mới;
- Lắp đặt hệ thống các kết cấu sản phẩm, hệ thống quản lý sản phẩm theo từng công đoạn bằng: cân điện tử, camera giám sát, v.v.... và gắn lương thu nhập của người lao động từng ca sản xuất theo sản phẩm.

2. Công tác khai thác, tuyển khoáng:

Đặc thù là mỏ khai thác tận thu, hàm lượng quặng thường xuyên biến động. Do đó, Công ty sẽ chủ động triển khai xúc bốc chọn lọc đất quặng và bóc thải theo hướng phát triển của ô quặng để giảm rủi ro trong quá trình xúc bốc đất đá thải.

Song song đó, xây dựng kế hoạch bóc đất đá thải theo từng vùng hàm lượng quặng khác nhau để điều hành sản xuất. Cụ thể:

- Đối với đất đá chứa quặng có hàm lượng từ $200 \div 500 \text{ gam/m}^3$ mà không phải bóc thải đưa về tuyển rửa đảm bảo hiệu quả;
- Đối với khu vực phải bóc thải có hệ số bóc $\geq 0,25 \text{ m}^3/\text{tấn}$, hàm lượng quặng phải đảm bảo $\geq 500 \text{ gam/m}^3$ đưa về tuyển mới có hiệu quả.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ bản trong khâu khai thác vận tải để tiết giảm chi phí từ việc bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo an toàn môi trường và đặc biệt là quan tâm tới các tuyến đường vận chuyển trong khai trường, khu vực sản xuất của mỏ; các gương tầng xúc hợp lý.

232-
T.Y
AN V
KIM
NG
CAO P

Lấy năng suất tuyển để bù hàm lượng, cũng như thu hồi tối đa tài nguyên khoáng sản có ích trong quá trình tuyển để giảm giá thành sản xuất như: titan, cát, v.v... (Do là mỏ khai thác tận thu, hàm lượng quặng thấp và không ổn định).

3. Công tác phát dẫn điện năng và luyện kim

Thường xuyên rà soát kiểm tra các hệ thống đầu đập, đường máng và hệ thống phát dẫn để đưa ra các biện pháp phòng ngừa với tần suất 1 tháng/lần. Đặc biệt là trước và sau các đợt mưa.

Đối với sản xuất Ferro silic bằng lò điện hồ quang tại đơn vị phụ thuộc chủ yếu vào độ ổn định của nguồn điện. Do đó, Công ty luôn xác định để tăng năng suất thì việc duy trì ổn định dòng điện là ưu tiên cũng như việc ổn định nguyên vật liệu đầu vào, giám sát trong quá trình nấu luyện, phối trộn các nguyên vật liệu khác để giảm tiêu hao của các nguyên liệu chính như: phối trộn gỗ vụn để giảm tiêu hao than cốc, v.v...

4. Công tác quản trị chi phí

Triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất theo từng tháng trên cơ sở rà soát, đánh giá cụ thể các điều kiện về công trường, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, v.v.. đảm bảo kế hoạch lập ra sát với thực tế thi công và giao đến các phân xưởng để tổ chức thực hiện.

Kiểm soát theo từng tuần việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu sản xuất tại từng công đoạn để đánh giá và đưa ra giải pháp thực hiện đảm bảo định mức giao khoán.

Hàng tháng triển khai việc nghiệm thu thanh quyết toán cho từng công đoạn sản xuất và tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện trong tháng, tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, giá thành sản xuất các sản phẩm từ đó đưa ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công trường, nhà máy, đảm bảo hiệu quả.

5. Công tác đầu tư xây dựng, phát triển tài nguyên

Tổng giá trị đầu tư xây dựng năm 2021 là: 17.567 triệu đồng. Các dự án, hạng mục đầu tư cụ thể như sau:

- *Dự án khai thác tận thu quặng thiếc Khu tây*: Hiện nay đã có quyết định Đóng cửa mỏ. Trong năm 2021, Công ty tập trung bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thành việc xin Chủ trương đầu tư và Cấp phép khai thác.

- *Dự án khai thác mỏ Sa khoáng Nậm Kép*: Năm 2021, Công ty bám sát các cơ quan Nhà nước để xin cấp chủ trương đầu tư và giấy phép khai thác mỏ.

- Triển khai hoàn thành đầu tư các công trình, dự án khác đảm bảo theo kế hoạch đã xây dựng.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Trong năm 2020, Công ty gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với sự quan tâm, ủng hộ của sở ban ngành địa phương, của Tổng công ty, HĐQT Công ty cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của ban điều hành, sự đoàn kết, đồng lòng, nỗ lực của tập thể CBCNV, sự ủng hộ của các cổ đông kết quả SXKD của Công ty năm 2020 đã đạt được kết quả nhất định.

Năm 2021, dự báo sẽ còn nhiều những khó khăn, thách thức, đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, tạo điều kiện của sở ban ngành địa phương, lãnh đạo Tổng công ty, HĐQT Công ty và các cổ đông để Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Xin trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY


Trần Văn Chương



Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xin báo cáo Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội, hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng, kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

Phần I: Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông và hoạt động của HĐQT năm 2020

I. Khái quát về công ty

1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng là Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Công ty có trụ sở tại: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4800129232, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 20/01/2020; Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, chế biến quặng sắt, quặng thiếc và sản xuất điện năng.

2. Công ty có vốn điều lệ 80 tỷ VNĐ, tại thời điểm 31/12/2020 vốn điều lệ của Công ty còn 52,2 tỷ VNĐ (Công ty lỗ lũy kế 27,8 tỷ đồng), cổ đông góp vốn lớn nhất là Tổng công ty Khoáng sản TKV, chiếm 51,89% vốn điều lệ của Công ty.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

3.1. Hội đồng quản trị Công ty gồm 4 thành viên:

- Ông Bùi Tiến Hải – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Trần Văn Chương – Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty (thay ông Nguyễn Minh Tâm, từ tháng 6/2020);
- Ông Đặng Văn Lâm – Thành viên HĐQT;
- Ông Hà Ngọc Bình – Thành viên HĐQT.

3.2. Ban kiểm soát Công ty gồm 2 thành viên:

- Ông Nguyễn Thanh Long – Trưởng BKS;
- Ông Đặng Giang Nam – Thành viên BKS (thay bà Mai Hạnh Duyên, từ tháng 6/2020).



3.3. Ban Giám đốc và các Phòng Công ty, Phân xưởng sản xuất.

- Ban Giám đốc Công ty: có 3 người, gồm Giám đốc và 2 Phó Giám đốc.
- Phòng chuyên môn: Công ty có 04 phòng chuyên môn giúp việc.
- Phân xưởng sản xuất: Công ty có 02 Phân xưởng và 01 Xí nghiệp sản xuất.

II. Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty năm 2020

Năm 2020, đại dịch Covid 19 gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các Quốc gia trên thế giới. Kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng, kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động không nhỏ bởi đại dịch, hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng gặp nhiều khó khăn, khi giá thiếc kim loại giảm sâu so với kế hoạch, mỏ Tĩnh Túc hết hạn giấy phép khai thác, tài nguyên cạn kiệt, chủ yếu là khai thác tận thu,... Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành cùng sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT; sự quyết liệt thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành; sự nhiệt tình, chịu khó, yêu Công ty của CBCNV-NLĐ và sự tin tưởng của đối tác, bạn hàng, Quý vị cổ đông; cùng với sự ấm lên, tăng giá của thị trường tiêu thụ cuối năm,... Kết quả năm 2020 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội Đồng cổ đông giao.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

i) Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu đạt 63,196 tỷ đồng bằng 75,2 KH năm và bằng 150% so với thực hiện năm 2019;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2,035 tỷ đồng bằng 92% KH năm (thực hiện năm 2019 Công ty lỗ 26,522 tỷ đồng);
- Nộp ngân sách: 13,257 tỷ đồng, bằng 72% KH năm và bằng 60% so với thực hiện năm 2019;
- Tổng quỹ tiền lương: 12,32 tỷ đồng bằng 77% KH năm và bằng 122% so với thực hiện năm 2019;
- Lao động sử dụng bình quân: 176 người bằng 88% KH năm và bằng 68% so với năm 2019;

ii) Các chỉ tiêu sản lượng sản xuất chính:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn đạt: 90 tấn bằng 60%KH năm và bằng 104,7% so với thực hiện năm 2019;
- Fero silic 45 đạt: 828 tấn bằng 110% KH năm và bằng 126,7% so với thực hiện năm 2019;
- Vàng 75% Au đạt: 2,66 kg bằng 53% KH năm và bằng 193,3% so với thực hiện năm 2019.

iii) Tiêu thụ sản phẩm:

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ đạt: 124 tấn bằng 83% KH năm;

- Fero silic 45 tiêu thụ đạt: 315 tấn bằng 42% KH năm:
- Vàng 75% Au tiêu thụ đạt: 2,66 kg bằng 53% KH năm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty

Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có nhiều thay đổi tích cực, đạt hiệu quả thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:

- + Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải thu 25,243 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu khó đòi 0,334 tỷ đồng.
- + Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả 29,772 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn 28,809 tỷ đồng; nợ dài hạn 0,963 tỷ đồng.
- + Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = 0,44.
- + Khả năng thanh toán (Tổng TS/ NPT) = 3,27 lần
- + Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH) = 1,88 lần
- + Hệ số bảo toàn vốn tại Doanh nghiệp = 1,02

Trong năm Công ty tiến hành thanh lý lô TSCĐ là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã hết khấu hao và không còn sử dụng thu được số tiền là 1,613 tỷ đồng, ngoài ra công ty còn thanh lý nhượng bán những tài sản khác đã phá dỡ, cháy hỏng thu được 0,021 tỷ đồng, xử lý hàng hóa kém phẩm chất, thuê tiêu hủy lô vật liệu nổ tồn kho không có nhu cầu sử dụng.

III. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020

1. Hoạt động của HĐQT năm 2020

- Với vai trò là người đại diện quyền lợi cho cổ đông của Công ty, trong năm 2020 HĐQT đã nêu cao vai trò, trách nhiệm, cùng với Ban điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ quan trọng theo đúng chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT đã tổ chức, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra; thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư (Dự án đầu tư tận thu quặng thiếc bãi thải Thập Lục Phần, Dự án đầu tư tận thu quặng thiếc khu Tây mỏ Tĩnh Túc...); bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp cao và các nội dung khác theo thẩm quyền.

- Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Công ty thực hiện các nghị quyết, phối hợp với Ban điều hành kịp thời có các biện pháp phù hợp, điều chỉnh hoạt động SXKD của Công ty, chấn chỉnh bổ sung, hoàn thiện các mặt quản lý trong quản trị doanh nghiệp.

- Phối hợp với BKS Công ty để tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo công ty thực hiện các mục tiêu Đại hội ĐCĐ đề ra và tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, thị trường giá cả và tình hình biến động sản xuất của Công ty. Mỗi phiên họp của

1292
IG T
PH A
IG S A
EN I
U D A
NG T

HĐQT đều được ghi chép thành biên bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để điều hành Công ty và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết các cuộc họp trước đó.

- Trong năm HĐQT đã tổ chức họp 08 phiên (trong đó 04 phiên họp thảo luận trực tiếp và 04 phiên họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản), ban hành 13 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có đủ số thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các thành viên HĐQT đều thể hiện trách nhiệm và thống nhất ý kiến.

2. Kết quả giám sát của HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành công ty

- Các thành viên trong Ban điều hành Công ty đều có trình độ, chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các Phó Giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần, tháng và triển khai kế hoạch công việc kế tiếp.

- Giám đốc và Ban điều hành đã chủ động, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ Đại hội ĐCĐ thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Hội đồng quản trị Công ty giám sát việc sử dụng, quản lý và đầu tư tài sản, mua bán vật tư phục vụ SXKD, giám sát thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với Ban điều hành kiểm điểm kết quả SXKD hàng tháng, quý; giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của BKS Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền không gây cản trở hoạt động của Công ty và bộ máy điều hành. Việc kiểm tra, giám sát này giúp cho HĐQT làm việc tốt hơn. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, hạn chế các rủi ro.

- Trong năm 2020 vận hành theo mô hình mới, mô hình tổ chức định biên lao động tiên tiến Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực cơ cấu lao động giảm lao động gián tiếp xuống dưới 10 %, lao động phục vụ, phụ trợ giảm, tăng lao động công nghệ. Về hiệu quả công việc, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dần được kiểm soát tốt hơn.

Phần 2: Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021

I. Nhận định chung

Mặc dù dịch Covid-19 trong nước đã cơ bản được kiểm soát nhưng tại nhiều Quốc gia dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro. Ngoài ra cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và bất ổn trong hệ thống chính trị tại nhiều Quốc gia trên thế giới, dự kiến tiếp tục tác động sâu đến nền kinh tế toàn cầu, khiến giá nguyên nhiên vật liệu, thiếc kim loại, Ferro Silic biến động khó lường. Tại Công ty tài nguyên quặng thiếc đã cạn kiệt, chủ yếu khai thác mót vét; tài sản, máy móc thiết bị thì xuống cấp... Vì vậy năm 2021 hoạt

động của Công ty được dự báo sẽ có nhiều khó khăn, Công ty cần có giải pháp phù hợp về tài nguyên, tiết kiệm chi phí, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

II. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021

Năm 2021 HĐQT công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch các chỉ tiêu chính sản xuất kinh doanh, như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu: 82,464 tỷ đồng, bằng 130% so với thực hiện năm 2020;
- Lợi nhuận trước thuế: 3,350 tỷ đồng, bằng 148% so thực hiện năm 2020;
- Nộp ngân sách: 15,927 tỷ đồng, bằng 120% so thực hiện năm 2020;
- Tổng quỹ tiền lương: 17,071 tỷ đồng, bằng 139% so thực hiện năm 2020;
- Lao động sử dụng bình quân: 175 người, bằng 99% so thực hiện năm 2020;

2. Các chỉ tiêu sản lượng chính

- Thiếc kim loại 99,75% Sn: 130 tấn, bằng 144% so với thực hiện năm 2020;
- Fero silic 45: 720 tấn, bằng 87% so với thực hiện năm 2020;
- Vàng 75% Au: 2,0 kg, bằng 75% so với thực hiện năm 2020.

3. Tiêu thụ sản phẩm

- Thiếc kim loại 99,75% Sn tiêu thụ: 130 tấn, bằng 105% so với thực hiện năm 2020;
- Fero silic 45 tiêu thụ: 1.000 tấn, bằng 317% so với thực hiện năm 2020;
- Vàng 75% Au tiêu thụ: 2,0 kg, bằng 75% so với thực hiện năm 2020.

III. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021

Như nhận định tình hình ở trên, năm 2021 Hội đồng quản trị thực hiện và chỉ đạo thực hiện, làm tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp Giấy phép khai thác tận thu bãi thải khu Tây và Dự án Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2020 và kế hoạch công tác năm 2021, rất mong các cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; Thư ký Công ty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

Số: 02/BC-BKS

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 33- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng trong năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY và các tài liệu, sổ sách kế toán có liên quan khác.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2020 gồm những nội dung chính sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020;
- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Kết quả giám sát, đánh giá BCTC và các mặt quản lý khác của Công ty;
- Kiến nghị của Ban Kiểm soát.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, một thành viên khác vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cũng đã có sự thay đổi nhân sự trong năm 2020, một thành viên là anh Hà Ngọc Bình thôi tham gia BKS để tham gia HĐQT và một thành viên khác là chị Mai Hạnh Duyên chuyển đi nơi khác làm việc và được thay thế bằng anh Đặng Giang Nam. Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty (trong năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức 08 phiên

họp, trong đó có 04 phiên họp bằng thể thức lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành 13 nghị quyết);

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

Qua kiểm tra, không có trường hợp vi phạm các quy định trong Điều lệ công ty. Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông có liên quan tới hoạt động của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ NĂM 2020:

1. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về định hướng, xem xét điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị. HĐQT Công ty đã tổ chức 08 phiên họp, các phiên họp đều được tổ chức theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty.

- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định: Trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 13 Nghị quyết. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về cơ bản đều tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Các Biên bản và Nghị quyết được ghi chép đầy đủ theo đúng quy định.

2. Về giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020: Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

và các nghị quyết của HĐQT đã được Ban điều hành triển khai đầy đủ, đạt được kết quả tốt.

- Trong năm 2020, Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, chỉ tiêu sản lượng so với kế hoạch được ĐHCĐ thường niên phê duyệt. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm Công ty đã có lợi nhuận tuy nhiên vẫn chưa bù đắp hết số lỗ lũy kế của những năm trước.

- Trong năm 2020, Ban Giám đốc tiếp tục bám sát giải quyết các vướng mắc trong Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÂN HÀ ngày 15/09/2018, Phụ lục hợp đồng 01 ngày 15/11/2018 về xã hội hóa khai thác mỏ Nà Lũng và đã thu về 2.407 tấn tinh quặng sắt 60%Fe tồn kho, thu về 3,195 tỷ đồng tiền vốn. Tuy nhiên việc thực hiện Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÂN HÀ và đặc biệt là Phụ lục hợp đồng 01 ngày 15/11/2018 còn tiềm ẩn nhiều rủi ro về pháp lý và kinh tế khi tranh chấp hợp đồng xảy ra, Ban giám đốc đã báo cáo HĐQT, BKS và các phòng ban Tổng công ty để xin ý kiến chỉ đạo, tư vấn trong việc triển khai thực hiện Hợp đồng trong các năm tiếp theo.

- Triển khai các cuộc họp và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc.

3. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2020:

3.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Hàng quý, giữa niên độ và cuối niên độ kế toán, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính 6 tháng cũng như cả năm đều đã được kiểm toán. Các báo cáo tài chính quý và bán niên đã được hoàn thành đúng thời gian quy định và công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn trên Website của công ty cũng như của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY, Ban kiểm soát đã thẩm định và báo cáo với ĐHCĐ như sau: thống nhất với Báo cáo tài chính 2020 (giai đoạn 01/01/2020 - 31/12/2020) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty, không có sai sót trọng yếu về công tác hạch toán kế toán.

Tình hình tài chính của Công ty trong năm đã được cải thiện đáng kể, nhìn chung tốt hơn so với năm trước, thể hiện qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

Số TT	Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2019
1	Nợ phải trả/vốn CSH	Lần	0,37	0,32
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,74	1,67
3	Lợi nhuận/Vốn CSH (ROE)	%	2,54	số âm
4	Lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	2,11	số âm
5	Lợi nhuận/Doanh thu	%	3,22	số âm

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020: Lãi 2.035 triệu đồng; cùng kỳ năm 2019 lỗ 26.522 triệu đồng. Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 27.837 triệu đồng, chiếm 34,8% so với vốn góp của CSH (<50%). Công ty vẫn thuộc trường hợp xác định có dấu hiệu mất an toàn về tài chính theo quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP (có số lỗ trong năm báo cáo từ 30% vốn đầu tư của chủ sở hữu trở lên) và cần thiết vẫn phải tiếp tục đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt.

Tại báo cáo này, chúng tôi xin tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính năm 2020 vừa qua chi tiết như biểu dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
I	Tổng tài sản	96.662	91.122
1	Tài sản ngắn hạn	50.130	37.815
2	Tài sản dài hạn	46.532	52.307
II	Tổng nguồn vốn	96.662	91.122
1	Nợ phải trả	29.772	25.527
-	Nợ ngắn hạn	28.809	22.614
-	Nợ dài hạn	963	2.913
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	66.890	65.595
-	Vốn góp của chủ sở hữu	80.000	80.000
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
-	Quỹ đầu tư phát triển	5.555	5.555
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	780	780
-	Lợi nhuận chưa phân phối	-27.837	-29.872
-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	8.392	9.132
III	Các chỉ tiêu đánh giá khác		
1	Tổng doanh thu và thu nhập	63.196	42.142
2	Tổng chi phí	61.160	68.663
3	Lợi nhuận sau thuế	2.035	-26.521

3.2. Về sổ sách và hạch toán kế toán:

Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét, kiểm tra BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty cùng một số hồ sơ thanh lý TSCĐ, hồ sơ đấu thầu dịch vụ bốc xúc, hồ sơ nghiệm thu KLSX cũng như chọn mẫu một số chứng từ, sổ sách kế toán khác. Qua kiểm tra hồ sơ, ban kiểm soát nhận thấy quá trình phê duyệt KH, tổ chức đánh giá, lựa chọn nhà thầu cũng như đấu giá bán thanh lý tài sản, bán đấu giá tiêu thụ sản phẩm thiếc thỏi, vàng sa khoáng đã tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục và đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Ban kiểm soát cũng nhận thấy công ty đã mở đầy đủ sổ sách theo đúng quy định, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra. Công ty đã tập hợp chi phí đầu tư theo từng hạng mục công trình và tập hợp chi phí theo yếu tố. Nhìn chung, các BCTC và sổ sách, chứng từ kế toán của công ty được lập đầy đủ theo quy định, có đầy đủ chữ ký hợp lệ phù hợp với quy định hiện hành. Qua kiểm tra các chứng từ chi lương và ăn ca thực hiện từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2020 của các đơn vị: Phân xưởng cơ điện; Phân xưởng khai tuyển; Văn phòng Công ty cho thấy việc thực hiện chi trả lương và ăn ca theo đúng quy định.

3.3. Về kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2020 và tình hình sử dụng lao động, phân phối tiền lương, thu nhập:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%)	
						So sánh cùng kỳ năm 2019	So sánh KH 2020
1	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	6.552	12.673	8.832	135	70
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	42.142	84.045	63.196	150	75
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Quặng sắt	Tấn					
3.2	Quặng thiếc 70% Sn	Tấn	91,194	226	136,679	150	60
3.3	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	85,96	155	90	105	58
3.4	Vàng cám	Kg	1,3758	5	2,6625	194	53
3.5	Ferro silic 45	Tấn	653,6	750	828	127	110
3.6	Điện năng	Tr/kwh	7,255	10,7	5,5	76	51

a). Về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Kết quả hoạt động SXKD của công ty trong năm 2020 lãi 2.035 triệu đồng, so với cùng kỳ năm trước 2019 lỗ 26.521 triệu đồng.

Kết quả của từng hoạt động cụ thể như sau:

BỘ
CƠ
CƠ
HỘI
LUY
CÁ
HỘI

+ Hoạt động bán thanh lý TSCĐ và dịch vụ: lãi gộp (=DT-giá vốn) là $2.565 - 176 = 2.388$ tr.đ

+ Hoạt động tài chính: lỗ gộp là $6 - 574 = - 568$ tr.đ. (574 tr.đ hoàn toàn là lãi vay phải trả NH).

+ Hoạt động SXKD chính (khai thác chế biến khoáng sản): lãi gộp là: $60.624 - 50.991 - 1.361 - 8.056 = 215$ tr.đ.

b). Về tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2019:

+ Kết quả thực hiện đầu tư XDCB năm 2020 là 1.360 triệu đồng. Các dự án thực hiện cụ thể như sau :

- Điều chỉnh dự án khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải tại bãi thải Thập lục phân với tổng số tiền là 450 triệu đồng, số tiền đã giải ngân trong năm 2020 là 360 triệu đồng.

- Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà truyền thống Công ty: Tổng giá trị đầu tư là 1.000 triệu đồng (từ nguồn quỹ phúc lợi của TKV).

- Ngoài ra, Công ty đang triển khai các dự án nhưng chưa hoàn thành trong năm 2020 gồm:

+ Công ty có thực hiện việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp với giá trị là 105 triệu đồng vào Cty CP TMDV ô tô Thái Tuấn (Thadico) từ năm 2008 với số lượng cổ phần nắm giữ là 10.000 (chiếm tỷ lệ sở hữu là 5,83%). Tuy nhiên việc đầu tư vốn ra ngoài này hiện tại không thực sự hiệu quả, năm 2020 công ty không thu được cổ tức.

c). Tình hình quản lý công nợ phải thu:

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2020 là 25.243 triệu đồng, tăng 16.810 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó chủ yếu là do tăng nợ phải thu khách hàng ($21.212 - 4.819 = 16.393$ triệu đồng) trong khi nợ phải thu ngắn hạn khác tăng nhẹ ($4.365 - 3.332 = 1.034$ triệu đồng), chi phí trả cho người bán ngắn hạn giảm so với đầu năm ($0 - 616 = -616$ triệu đồng) và số trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi không thay đổi so với số đầu năm là 334 triệu đồng.

- Tổng nợ phải thu dài hạn tại 31/12/2020 không thay đổi so với số đầu năm là 8.599 triệu đồng.

d). Tình hình quản lý công nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2020 là 28.809 triệu đồng, tăng 6.195 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó chủ yếu là do việc tăng của các khoản: phải trả người bán ngắn hạn ($10.335 - 6.447 = 3.888$ triệu đồng), chi phí phải trả người lao động ($4.143 - 2.630 = 1.512$ triệu đồng) và vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ($6.445 - 1.950 = 4.486$ triệu đồng).

- Tổng nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2020 là 963 triệu đồng, giảm 1.950 triệu đồng so với đầu năm là 2.913 triệu đồng hoàn toàn là do giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn phục vụ cho đầu tư xây dựng cơ bản (trả nợ gốc vay).

e). Về tình hình sử dụng lao động và chấp hành pháp luật về lao động:

+ Lao động đầu kỳ: 01/01/2020: 238 người. (trong đó: Khởi khai thác chế biến khoáng sản: 226 người; Xí nghiệp Chè đăng và Thương mại: 12 người).

+ Lao động cuối kỳ: 31/12/2020: 171 người, tăng trong kỳ 07 người (tiếp nhận trong các đơn vị thuộc Tổng Công ty 7 người); giảm trong kỳ 75 người (xin chấm dứt HĐLĐ là 66 người, nghỉ hưu là 03 người, đơn phương chấm dứt hợp đồng LĐ 06 người). Trong đó:

+ Lao động thuộc khởi khai thác khoáng sản: 161 người

+ Lao động Xí nghiệp Chè đăng và Thương mại: 9 người

+ Lao động ốm dài hạn: 01 người

Cơ cấu lao động khởi khai thác khoáng sản đến thời điểm 31/12/2020.

Tổng số: 162 người; Lao động quản lý 28 người chiếm 16,4%; Lao động phục vụ, phụ trợ: 25 người chiếm 14,6%; Lao động công nghệ: 118 người chiếm 69%.

Nguyên nhân tỷ lệ lao động quản lý còn cao hơn so với quy định là do sản xuất của Công ty có nhiều lĩnh vực chuyên môn, số lượng giảm trong năm 2020 chủ yếu là lao động trực tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ.

- Lao động sử dụng bình quân: 176 người

Công ty đã rà soát số lao động trong khởi khai thác khoáng sản, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với tình hình sản xuất trong giai đoạn hiện nay.

f). Về chính sách tiền lương và tình hình thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong năm 2020:

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ lương người lao động: Đạt 11,982/15,971 tỷ đồng bằng 75% so với kế hoạch, tiền lương bình quân đạt 6,38/6,65 triệu đồng/người/tháng bằng 96% kế hoạch năm.

+ Quỹ lương VCQL: Đạt 537,8 triệu đồng, tiền lương bình quân đạt 12,8 tr.đ/người/tháng..

g). Thực hiện pháp luật về An toàn và BHLĐ:

- Về công tác ATVSLĐ: Trong năm 2020 không để xảy ra vụ TNLĐ nào. Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các công văn chỉ đạo, chỉ thị của các cấp về công tác AT-VSLĐ tại cơ sở.

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe, phát hiện BNN cho 172 người. Trên cơ sở kết quả khám sức khỏe định kỳ bố trí công việc phù hợp với phân loại sức khỏe.

Công tác trang bị BHLĐ được triển khai thực hiện đầy đủ. Kết quả thực hiện về công tác AT - BHLĐ Công ty đạt: 532,3 tr.đồng bằng 77% KHN. Chi phí thực hiện công tác môi trường thường xuyên năm 2020 là: 154,6 triệu đồng, bằng 19,2 % KHN. Tiến hành đo môi trường lao động tại các vị trí sản xuất với tổng số mẫu đo: 50 mẫu. Công tác quan trắc chất lượng môi trường nhà máy thủy điện Na Han, khu luyện kim, khu khai thác, tuyến rửa quặng thiếc Thập lục phần được

thực hiện theo định kỳ. Qua phân tích các chỉ tiêu, thông số đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

h). Thực hiện pháp luật về hợp đồng kinh tế:

Công ty đã thành lập hội đồng thẩm định giá với nhiệm vụ lựa chọn số lượng, chủng loại vật tư và đề xuất giá mua vật cạnh tranh nhất.

Trình tự, thủ tục mua, bán vật tư của các đơn vị thực hiện theo văn bản phù hợp với các quy định của Nhà nước và của Công ty. Tỷ lệ tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 là: 9%.

Các hợp đồng kinh tế được ký kết đã tuân thủ theo quy định của Pháp luật. Ngoại trừ các hợp đồng mua bán vàng cốm, fe rô si lic được thương thảo trực tiếp với người mua, các hợp đồng mua bán thiếc thời cũng như các hợp đồng bán thanh lý TSCĐ đều tổ chức lựa chọn người mua theo phương thức đấu giá công khai, được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính công khai, minh bạch. Trong năm, Công ty đã thực hiện bán 03 lô thiếc thời 99,75%Sn, trong đó: Lô thiếc bán trong quý I thực hiện theo phương thức chốt giá trung bình giá 3M; Sau khi có kiến nghị của Ban kiểm soát trong đợt kiểm tra 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm Công ty đã lựa chọn phương pháp chốt giá theo giá thời điểm cho 02 lô thiếc thời (90 tấn) để tránh bất lợi khi giá quốc tế LME biến động.

k). Thực hiện công tác khoán quản trị chi phí:

Công ty đã tăng cường kiểm soát theo từng tuần/tháng việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu sản xuất tại từng công đoạn để đánh giá và đưa ra giải pháp đảm bảo định mức giao khoán.

Hàng tháng đã triển khai việc nghiệm thu thanh quyết toán cho từng công đoạn sản xuất và đưa ra phương hướng nhiệm vụ kế hoạch tháng tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công trường, nhà máy đảm bảo hiệu quả.

Bám sát diễn biến, nhu cầu của thị trường để có các biện pháp điều chỉnh sản lượng, chất lượng sản phẩm sát với nhu cầu, có giá thành hợp lý tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

4. Về tình hình thực hiện Hợp đồng xã hội hóa khai thác mỏ sắt Nà Lũng:

- Tổng số tiền C.ty Cán Hà có nghĩa vụ thanh toán cho C.ty tính đến 31/12/2020 là 4.008 triệu đồng. Trong đó:

+ Doanh thu cố định hàng tháng từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2020 là 66 tr.đ/tháng x 24 tháng = 1.584 tr.đ

+ Giá trị đất quặng nguyên khai tồn kho bàn giao cho C.ty Cán Hà theo Phụ lục Hợp đồng số 01 ký ngày 15/11/2018 là 2.424 tr.đ (trên thực tế, số lượng đất quặng này đã được C.ty Cán Hà sở hữu và sử dụng).

5. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020:

- Cổ phần phát hành : 8.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cp
- Giá trị : 80.000.000.000 đồng

Các cổ đông đều đã góp đủ vốn điều lệ. Cơ cấu vốn góp điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

Thành viên góp vốn	Vốn điều lệ		
	Tỷ lệ (%)	Số CP	Số tiền (VNĐ)
1. Tổng công ty Khoáng sản	51,89	4.150.869	41.508.690.000
2. Cổ đông trong Công ty	2,92	233.283	2.332.830.000
3. Cổ đông ngoài Công ty	45,19	3.615.848	36.158.480.000
Tổng cộng	100%	8.000.000	80.000.000.000

6. Kết luận chung và kiến nghị:

Trong năm 2020, HĐQT và Ban giám đốc điều hành về cơ bản hoàn thành nhiệm vụ do ĐHCĐ đề ra. Hoạt động của Công ty không có biểu hiện trái với quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty một số vấn đề sau:

6.1. Về chiến lược phát triển dài hạn:

- Ban điều hành công ty cần quyết liệt hơn nữa trong công tác xin cấp giấy phép mỏ Nậm Kép và triển khai các dự án đầu tư khai thác các mỏ mới được cấp để tạo tiền đề đảm bảo cho công ty phát triển bền vững khi điều kiện khai thác ưu đãi tự nhiên của mỏ thiếc Tĩnh Túc không còn, tài nguyên cạn kiệt.

- Đặc biệt Ban điều hành cần phải đánh giá lại toàn diện và cân trọng các tồn tại tài chính hiện tại của công ty từ đó xây dựng kế hoạch tổng thể và có lộ trình thực hiện cụ thể để giải quyết một cách căn bản các tồn tại tài chính này với tổng giá trị phải xử lý sau khi đã sử dụng các khoản trích lập dự phòng, trừ đi giá trị thu hồi ước tính vẫn còn phải xử lý vào lợi nhuận sau thuế TNDN lên tới 10,716 tỷ đồng (mặc dù đã được xử lý một phần trong năm 2019), trong đó trước mắt nên tập trung vào 03 khoản: Các công trình đã dừng đầu tư (giá trị phải xử lý là 5,26 tỷ đồng); Vật tư tồn kho chậm luân chuyển, vật tư không có nhu cầu sử dụng (giá trị phải xử lý là 3,6 tỷ đồng), thanh lý tài sản là bán thành phẩm (giá trị phải xử lý là 1,856 tỷ đồng) để thu hồi một phần vốn ứ đọng, tăng nhanh vòng quay vốn và giảm chi phí lãi vay.

6.2. Về công tác tổ chức điều hành hoạt động SXKD:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu lao động, tinh giản bộ máy quản lý cho phù hợp với mô hình sản xuất hiện tại (hiện tại còn tương đối cao 16,4%).

32-
Y
N
AN V
KIM
NG
CAO

- Công ty cần phát huy tối đa công suất của dây chuyền thiết bị, duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo máy móc thiết bị luôn chạy ổn định; làm tốt công tác đào tạo, đào tạo lại để không ngừng hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý và tay nghề cho CBCNV. Ngoài việc quan tâm đến vấn đề sản xuất, Công ty cần đặc biệt quan tâm chú trọng đến vấn đề ATVSLĐ, PCCN.

- Có cơ chế trả lương khuyến khích đối với đội ngũ thợ vận hành ô tô, máy xúc, thợ sửa chữa để người lao động yên tâm công tác.

6.3. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục rà soát định mức vật tư nguyên liệu, thực hiện triệt để tiết kiệm, tăng cường tận dụng các loại nguyên liệu để tái sản xuất, đặc biệt chú trọng vào các đơn vị, bộ phận đang bội chi để đảm bảo chất lượng công tác quyết toán khoán quản trị chi phí cả năm được tốt hơn.

- Rà soát lại chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính sao cho đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Sớm xây dựng phương án thoái toàn bộ số vốn đầu tư tại Cty Thái Tuấn (Thadico) để thu hồi vốn đầu tư không hiệu quả, tránh ứ đọng vốn.

- Ban điều hành cần xem xét, có biện pháp giảm tỷ lệ tồn kho vật tư về mức quy định (6%), giảm ứ đọng vốn từ đó giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả SXKD

- Tích cực làm việc với các ban/ngành địa phương để sớm có giấy phép khai thác tận thu quặng thiếc tại bãi thải Khu Tây mô thiếc Tĩnh Túc trong năm 2021.

6.4. Về hạn chế tác động bất lợi của việc ký kết PLHĐ xã hội hóa khai thác Nà Lũng:

- Nhằm hạn chế rủi ro về phạt thuế phát sinh do việc chưa xác định doanh thu cố định nhận được từ HĐ XHH (66 tr.đ/tháng) và doanh thu chuyển nhượng đất quặng nguyên khai (2.424 tr.đ) đồng thời đảm bảo tính pháp lý của công nợ phát sinh khi thực tế quyền sở hữu số đất quặng này đã được chuyển giao, công ty cần sớm thống nhất với C.ty Cán Hà để phát hành hóa đơn GTGT, xác định doanh thu và thực hiện kê khai thuế theo quy định.

- Tích cực và quyết liệt hơn nữa trong việc giải quyết các vấn đề vướng mắc, thúc đẩy tiến độ thực hiện của Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 588 ký ngày 15/09/2018 theo hướng thiện chí hợp tác và đôi bên cùng có lợi.

- Trong trường hợp không có tiếng nói chung với Bên B, cần thiết thuê tư vấn về luật pháp để xem xét các ảnh hưởng của phục lục hợp đồng 01 từ đó đưa ra các biện pháp ứng xử thích hợp, thậm chí có thể đưa vụ việc ra Tòa án giải quyết tránh để dây dưa kéo dài bất lợi cho Công ty.

7. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban kiểm soát mong muốn tiếp tục nhận được sự phối hợp, sự

hợp tác của HĐQT, Ban giám đốc, lãnh đạo các phòng ban chức năng công ty, lãnh đạo các đơn vị và các Quý cổ đông công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2021. Ban kiểm soát dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban năm 2021 như sau:

- Tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm trong công tác kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính của công ty.

- Kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết đại hội, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quyết định của HĐQT và Giám đốc công ty.

- Phối hợp với Ban giám đốc, tổ chức chính trị và các tổ chức đoàn thể trong công ty trong việc củng cố, nâng cao chất lượng công tác quản trị chi phí, đội ngũ kiểm soát nội bộ công ty.

- Thực hiện đầy đủ chức năng quyền hạn của Ban kiểm soát theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

Trên đây là những nội dung về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát công ty trong năm qua và phương hướng hoạt động cho năm 2021 xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông. Năm 2020, Ban Kiểm soát công ty nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Để đạt được kết quả đó, ngoài sự nỗ lực của từng thành viên Ban kiểm soát không thể thiếu sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, các đơn vị/ phòng ban công ty cũng như các Quý cổ đông của công ty. Do vậy, thay mặt các thành viên trong ban kiểm soát, cho phép tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Long

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2018;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua BCTC năm 2020 của Công ty đã kiểm toán, Báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán được Công ty đăng tại địa chỉ website <http://cmamc.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

**CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
NĂM 2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	50.130	37.815	12.315
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	1.507	1.295	212
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	25.243	8.433	16.810
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	23.342	27.795	(4.453)
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	37	292	(252)
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	46.465	53.307	(6.842)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	8.599	8.599	0
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	24.340	31.129	(6.856)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	199.874	218.968	(18.574)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(176.009)	(187.839)	11.718
3- Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	9.440	12.165	-2.725
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	105	105	-
5- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	4.047	1.309	2.738
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	29.472	25.527	3.945
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	28.509	22.614	5.895
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	10.335	6.447	3.888
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT	300		
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	2.285	7.210	-4.925
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	4.142	2.630	1.512
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	10	6	4
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	1.424	702	722

012923
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
LUYỆN KIM
CAO BẰNG

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	6.445	1.950	4.495
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	3.866	3.669	197
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	963	2.913	(1.950)
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	950	2.900	(1.950)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	67.122	65.595	(27.262)
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	780	780	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	(27.837)	(29.872)	2.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a - BCĐKT	(29.872)	(3.350)	(26.522)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b - BCĐKT	2.035	(26.522)	24.254
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433 - BCĐKT	8.391	9.132	(741)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	63.190	42.142	21.048
Trong đó: Doanh thu bán hàng		60.625	39.911	20.714
Doanh thu hoạt động tài chính		6	60	(54)
Thu nhập khác		2.565	2.171	394
2- Tổng lãi (+), lỗ (-) .	50- BCKQKD	2.035	(26.522)	24.487
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQKD	2.035	(26.522)	24.487
4- Tổng phải nộp ngân sách		13.257	21.370	8.113
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		0,03	số âm	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,03	số âm	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,03	0,45	
4- Khả năng thanh toán (Tổng TS/ NPT)	lần	3,27	3,57	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	lần	1,75	1,67	



Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
6 - Khả năng thanh toán nhanh(TSNH-HTK)/NNH	lần	0,93	0,43	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	52%	41%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	48%	59%	

P. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



Cung Lê Hoàng

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Chương



Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, ngày 15 tháng 3 năm 2021.

1. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Năm tài chính 2020 kết quả kinh doanh của Công ty có lợi nhuận 2,035 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2020 Công ty còn lỗ lũy kế là 27,837 tỷ đồng. Vì vậy Công ty sẽ không thực hiện việc chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2020.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty còn lỗ lũy kế là 27,837 tỷ đồng (tính từ 01/01/2021). Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 3,350 tỷ đồng. Vì vậy, năm 2021 Công ty tiếp tục không chia cổ tức, không trích lập các quỹ, toàn bộ lợi nhuận để bù đắp khoản lỗ lũy kế những năm trước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

TỜ TRÌNH

Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2018;

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và BKS công ty. Công ty thực hiện chi trả thù lao như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	7	21,0	2.100.000	06	88.200.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS	3	19,0	1.900.000	06	34.200.000
	Cộng					176.400.000

(Bảng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng)

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021

Căn cứ nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	3.600.000	12	43.200.000
2	Thành viên HĐQT	4	21,0	3.150.000	12	151.200.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	3.150.000	12	37.800.000
4	Ủy viên BKS	2	19,0	2.850.000	12	68.400.000
	Cộng	8				300.600.000

(Bảng chữ: Ba trăm triệu, sáu trăm nghìn đồng)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCKT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Bùi Tiến Hải

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2018.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Ban kiểm soát làm đầu mối phối hợp với Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo quy định.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCKT, HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Long

Số: 160/TTTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12 tháng 05 năm 2006 thông qua và đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập;

Căn cứ vào Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” do Tổ thẩm định của Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng lập;

Các căn cứ khác có liên quan.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài cho sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua những nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập như sau:



I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. **Tên dự án:** Dự án Khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. **Nhóm dự án, loại và cấp công trình:**

- Nhóm dự án: C

- Loại và cấp công trình: Công trình khai thác mỏ, khoáng sản; Cấp III.

3. **Người quyết định đầu tư:** Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. **Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:** Công ty Cổ phần khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng

- Địa chỉ: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Điện thoại: 0263. 505.505;

Fax: 0263. 852.579;

- Website: www.cmamc.com.vn

5. **Địa điểm xây dựng:** Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

6. **Giá trị tổng mức đầu tư:** 84.830.803.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng*) đã bao gồm thuế VAT.

7. **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay thương mại.

8. **Thời gian thực hiện dự án:** 13 năm

9. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:**

- Tiêu chuẩn về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, TCVN 5326-2008.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên QCVN 04: 2009/BCT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất nổ QCVN 01: 2019/BCT.

- Các quy phạm và tiêu chuẩn chuyên ngành thiết kế về xây dựng, giao thông, điện, nước, cơ khí, ...

10. **Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Viện khoa học công nghệ mỏ - VINACOMIN.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng gồm các nội dung chính như sau:

1. **Tài nguyên, trữ lượng và biên giới khai trường.**

- Căn cứ vào các báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và tài nguyên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng đã được hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận tại Quyết định số 26/QĐ-HĐTL/CD ngày 28/5/2007; và báo cáo kết quả nghiên cứu bổ sung ĐCTV – ĐCCT, tổng hợp các tài liệu và tính trữ lượng mỏ thiếc sa

khoáng Nậm Kép – Cao Bằng được công nhận tại Quyết định số 1074/QĐ-HĐTLQG ngày 21/9/2017.

Tổng trữ lượng và tài nguyên của mỏ là 4968 tấn caxiterit, tương ứng 3.485 tấn kim loại thiếc. Trong đó:

- Trữ lượng cấp 122 là 3.436 tấn caxiterit tương đương 2.405 tấn kim loại thiếc.
- Tài nguyên cấp 333 là 1.543 tấn caxiterit tương đương 1.080 tấn kim loại thiếc.

- Biên giới khai trường: Trên cơ sở phân tích về tình hình kinh tế, nhu cầu tiêu thụ, chi phí sản xuất, doanh thu, giá bán sản phẩm và lựa chọn dựa trên các nguyên tắc lựa chọn biên giới khai trường để xác định các hệ số bóc kinh tế, hệ số bóc giới hạn đảm bảo dự án khả thi; trên cơ sở đó hệ số bóc giới hạn có thể đạt tới $K_{gh} = 1,54 \text{ m}^3/\text{t}$.

Biên giới mỏ được xác định trong dự án nằm trong phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimony đến năm 2025, có xét đến năm 2035 với khối lượng cụ thể như sau:

- Đất đá bóc: $23.688.780 \text{ m}^3$;
- Quặng nguyên khai: $17.141.395 \text{ tấn}$;
- Hệ số bóc biên giới, $K_{bg} = 1,382 \text{ m}^3/\text{tấn}$

- Trữ lượng huy động vào dự án: Trữ lượng địa chất huy động vào khai thác thiết kế các phương án là: $17.200.565 \text{ Tấn}$ quặng, hàm lượng trung bình $355,88 \text{ gam SnO}_2/\text{m}^3$.

2. Mở vỉa và trình tự khai thác.

Phương án mở vỉa theo dự án thiết kế là tạo diện công tác đầu tiên tại khu vực tuyến XIX để mở mỏ khu vực phía Tây, đầu vào khai trường mỏ. Hướng phát triển của mỏ tiến dần sang phía Đông của mỏ.

3. Công suất thiết kế, tuổi thọ dự án.

- Công suất thiết kế: 1,5 triệu tấn quặng nguyên khai/năm.
- Tuổi thọ của dự án: $T = 13 \text{ năm}$.

4. Hệ thống khai thác.

Với các đặc điểm hiện trạng tại thung lũng Nậm Kép một bên là chân núi đá vôi dựng đứng, một bên là các mòm đồi, chiều dài của mỏ hơn 3.000m, nơi rộng nhất hơn 500m; Từ đó, dự án chọn hệ thống khai thác theo lớp bằng, có vận tải, đổ thải ngoài và đổ thải trong.

5. Công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác mỏ.

Với đặc điểm của một mỏ quặng sa khoáng, đất đá và quặng chủ yếu được xúc trực tiếp bằng máy xúc, trong đất đá đôi khi có lẫn các tảng đá cần làm to trước khi xúc bốc. Do đó, công nghệ khai thác được lựa chọn cho mỏ thiếc Nậm Kép là: Xúc bốc – vận tải – thải đá, đối với đá tảng được làm to bằng khoan nổ mìn trước khi xúc bốc.

6. Vận tải trong mỏ.

Trong dự án này, việc vận tải chủ yếu để vận tải quặng từ khai trường về xường tuyến, đất đá thải công trường ra bãi thải và đất đá thải từ xường tuyến ra bãi thải. Dựa trên các phân



tích về kinh tế, hình thức vận tải phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, dự án đã lựa chọn hình thức vận tải bằng ô tô đơn thuần là hợp lý.

7. Công tác thải đất đá mỏ và thải quặng đuôi.

Tổng khối lượng đất đá thải của dự án khai thác quặng sa khoáng Nậm Kép bao gồm các nguồn:

- Khai trường khai thác mỏ: 23.688.780 m³.
- Đất đá + bùn thải sau tuyển thô: 8.113.068 m³.

Khối lượng đất đá thải của mỏ, một phần được đổ thải vào khai trường mỏ Tĩnh Túc đang trong quá trình đóng cửa mỏ của Công ty, phần còn lại được đổ thải trong vào khai trường mỏ Nậm Kép.

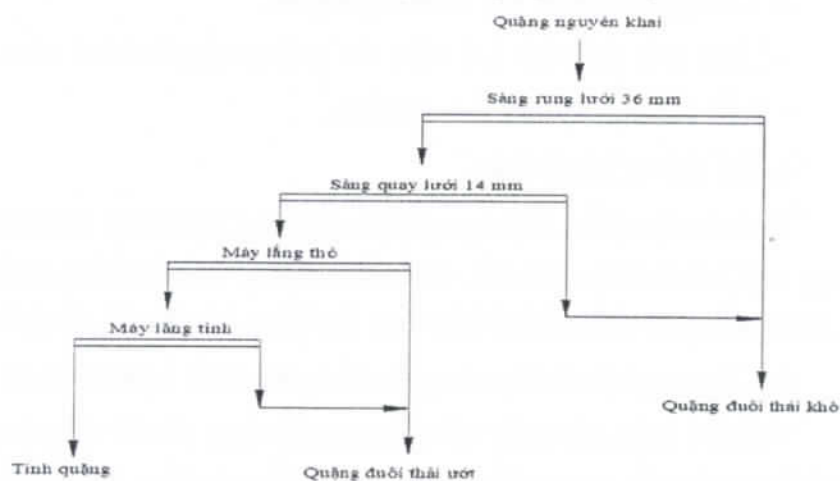
Các thông số bãi thải được thiết kế đảm bảo an toàn bờ mỏ, đảm bảo an toàn trong thiết kế và sử dụng.

8. Thoát nước mỏ và bãi thải.

Công tác thoát nước mỏ Nậm Kép bao gồm nước mặt, nước rò rỉ từ các mương, rãnh thoát nước; nước ngầm. Tổng lượng nước cần bơm thoát nước cho năm đạt công suất thiết kế là 101.297 m³/năm, năm lớn nhất là 1.496.375m³/năm, sử dụng các biện pháp gồm thoát nước tự chảy và bơm cưỡng bức về các hồ lắng bùn trước khi đưa ra môi trường.

9. Công tác chế biến khoáng sản.

Đối với sản phẩm quặng tại mỏ thiếc Nậm Kép là thiếc sa khoáng vì vậy thành phần khoáng vật, hàm lượng, chất lượng quặng tương đương với quặng tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, bãi thải Thập Lục Phần đang khai thác. Toàn bộ dây chuyền tuyển của các dự án trước có thể sử dụng lại cho dự án Nậm Kép; công nghệ chủ yếu như sau:



10. Cung cấp điện và trang bị điện

Căn cứ vào công nghệ khai thác, chế biến và bố trí tổng mặt bằng của dự án, phụ tải điện của dự án bao gồm: 05 dây chuyền tuyển thô; hệ thống bơm cấp nước tuyển, bơm thoát nước công trường; Công tác khoan nổ mìn; Hệ thống chiếu sáng, sinh hoạt...

Trên cơ sở tính toán các phụ tải điện; Hệ thống điện sẵn có tại khu vực mỏ của Công ty, dự án tiếp tục sử dụng lại 04 TBA 10/0,4 kV, để phục vụ hoạt động sản xuất, nguồn điện được đấu nối từ lưới điện 10 kV của Công ty đi qua khu vực khai trường mỏ. Toàn bộ trang thiết bị điện được sử dụng lại từ các thiết bị sẵn có của dự án trước.

11. Thông tin liên lạc và tự động hóa.

Hệ thống thông tin liên lạc tại đây khá phát triển, các mạng di động đã phủ song toàn bộ khu vực; tại khu vực điều hành của Công ty gồm Ban Giám đốc, các phòng ban, Quản đốc phân xưởng đều được trang bị các máy điện thoại thuê bao cố định.

Đối với hệ thống tự động hóa: Các dây chuyền sản xuất của tuyển được điều khiển bằng hệ thống điều khiển điện tập trung, đóng ngắt bằng các thiết bị thông dụng vì vậy không có nhu cầu tự động hóa.

12. Kiến trúc và xây dựng.

Các công trình xây dựng của dự án chủ yếu tại các dây chuyền tuyển thô, bao gồm: Bể nước tập trung, bункe cấp liệu, các móng máy, các nhà che xưởng tuyển, hệ thống kè. Các công trình được xây dựng đơn giản, hợp lý, tạo được không gian và điều kiện làm việc tốt cho người lao động về các mặt thông gió, chiếu sáng, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo mỹ quan.

13. Cung cấp nước và thải nước.

Nước phục vụ cho các hoạt động khai thác, chế biến quặng thiếc bao gồm: Nước dùng cho sinh hoạt; nước cho hoạt động tuyển thô; nước cho công tác rửa xe, tưới đường, phục vụ khác...

Toàn bộ hệ thống nước được lấy trực tiếp từ bể nước tập trung của xưởng tuyển, đối với nước sinh hoạt được đi qua hệ thống lọc hoặc lấy từ các nguồn nước mặt đảm bảo điều kiện để sử dụng.

Đối với nước thải: Các nguồn nước thải sẽ được tập trung về các hố lắng đi qua các rãnh thug om, sau đó về các bãi thải quặng đuôi của mỏ trước khi đưa ra môi trường. Các nguồn nước thải có yếu tố nguy hại được tập trung thug om để xử lý theo quy định.

14. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài.

Tổng thể dự án bao gồm: Phần khai trường, mặt bằng khu văn phòng, khu xưởng tuyển thô và các công trình phụ trợ như hệ thống đường xá, hệ thống cung cấp điện, nước, hố lắng môi trường.... Các công trình được bố trí đảm bảo phù hợp với công nghệ khai thác, tuyển, luyện, vận tải, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Đối với hệ thống vận tải ngoài được đấu nối từ QL34 tới mỏ bằng tuyến đường vào khai trường mỏ về phía tây và vận chuyển vật liệu bằng ô tô đơn thuần.

15. Tổ chức xây dựng.

Tiến độ xây dựng các công trình tập trung vào năm 01 của dự án. Các hệ thống bơm, đường điện được di chuyển tùy thuộc vào tiến độ khai thác.



16. Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy, nổ.

Kỹ thuật an toàn, PCCN được áp dụng nghiêm ngặt theo các Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình thi công xây dựng, khai thác, sản xuất và chế biến tùy thuộc vào tình hình thực tế, Công ty sẽ ban hành các quy định đặc thù đảm bảo an toàn cho người lao động.

17. Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường được phân chia thành các giai đoạn cụ thể (chuẩn bị, xây dựng, hoạt động, kết thúc) được trình bày cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong dự án đã đưa ra được các tác động, giải pháp và các biện pháp cải tạo, bảo vệ môi trường cụ thể nhằm cải thiện, đảm bảo môi trường lao động an toàn, vệ sinh, tránh ảnh hưởng đến môi trường.

18. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng là 109,0 ha, được chia thành 3 giai đoạn chính phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ. Giai đoạn 1 bao gồm các công trình đập ngăn sông, đường vào mỏ, hành lang lưới điện, khu vực khai trường mỏ và sản xuất 5 năm... (40ha); Giai đoạn 2 và giai đoạn 3 là khu vực công trường khai thác phù hợp với tiến độ sản xuất của mỏ.

19. Tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư: 84.830.803.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng) đã bao gồm thuế VAT. Trong đó:

ĐVT: 1000 đ

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
A	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ MỚI	71.748.387	5.482.677	77.315.626
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	20.231.450	2.023.145	22.254.595
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	28.930.000	2.893.000	31.823.000
III	CHI PHÍ ĐÈN BÙ, GIẢI TOÁ, TÁI ĐỊNH CƯ	15.293.820		15.293.820
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC	5.637.500	432.808	6.070.308
1	Chi phí quản lý dự án	820.798	82.080	902.878
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.246.430	324.643	3.571.072
3	Chi phí khác	1.570.272	26.085	1.596.358
V	DỰ PHÒNG	1.655.617	133.724	1.873.903
1	Dự phòng khối lượng	966.829	80.234	1.131.626
2	Dự phòng trượt giá	688.788	53.490	742.277
b	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ	6.831.979	683.198	7.515.177
	TỔNG SỐ	78.580.366	6.165.875	84.830.803

20. Hiệu quả kinh tế-xã hội.

Hiệu quả kinh tế của dự án được tính toán dựa trên giá thành, giá bán, các khoản thuế phí phải nộp cân đối với sản lượng và doanh thu sản phẩm.

Trên cơ sở tổng mức đầu tư, phân tích các chỉ tiêu của dự án như sau:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV): 5,1 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C): 1,19
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR): 11,14%
- Thời gian hoàn vốn: 6,23 năm
- Lợi nhuận sau thuế : 81,253 tỷ đồng

(Giá tính doanh thu : Giá thiếc thời 19.950 USD/tấn; Vàng 1,0 tỷ/1 kg 70%Au;
Ilmenit 800.000 đ/tấn; tinh quặng WO3: 8,0 triệu đồng/tấn.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, quyết định./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, thư ký HĐQT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

Số: 159/BC-KSLK

Cao Bằng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Vv: Báo cáo thẩm định “Báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng nằm kếp, thị
trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”

Kính gửi: HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12 tháng 05 năm 2006 thông qua và đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nằm Kếp, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*” do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập;

Căn cứ vào Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nằm Kếp, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*” do Tổ thẩm định của Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng lập;

Các căn cứ khác có liên quan.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài cho sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kính đề nghị HĐQT Công ty xem xét, thông qua những nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “*Dự án khai thác quặng thiếc sa*

khoáng Nậm Kép, thị trấn Tinh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án Khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tinh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

- Nhóm dự án: C

- Loại và cấp công trình: Công trình khai thác mỏ, khoáng sản; Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Công ty Cổ phần khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng

- Địa chỉ: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Điện thoại: 0263. 505.505;

Fax: 0263. 852.579;

- Website: www.cmamc.com.vn

5. Địa điểm xây dựng: Nậm Kép, thị trấn Tinh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 84.830.803.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng*) đã bao gồm thuế VAT.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay thương mại.

8. Thời gian thực hiện dự án: 13 năm

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, TCVN 5326-2008.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên QCVN 04: 2009/BCT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất nổ QCVN 01: 2019/BCT.

- Các quy phạm và tiêu chuẩn chuyên ngành thiết kế về xây dựng, giao thông, điện, nước, cơ khí, ...

10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện khoa học công nghệ mỏ - VINACOMIN.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN.

Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng gồm các nội dung chính như sau:

1. Tài nguyên, trữ lượng và biên giới khai trường.

- Căn cứ vào các báo cáo chuyên đổi cấp trữ lượng và tài nguyên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng đã được hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận tại Quyết định số 26/QĐ-HĐTL/CD ngày 28/5/2007; và báo cáo kết quả nghiên cứu bổ sung ĐCTV – ĐCCT, tổng hợp các tài liệu và tính trữ lượng mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng được công nhận tại Quyết định số 1074/QĐ-HĐTLQG ngày 21/9/2017.

Tổng trữ lượng và tài nguyên của mỏ là 4968 tấn caxiterit, tương ứng 3.485 tấn kim loại thiếc. Trong đó:

- Trữ lượng cấp 122 là 3.436 tấn caxiterit tương đương 2.405 tấn kim loại thiếc.
- Tài nguyên cấp 333 là 1.543 tấn caxiterit tương đương 1.080 tấn kim loại thiếc.
- Biên giới khai trường: Trên cơ sở phân tích về tình hình kinh tế, nhu cầu tiêu thụ, chi phí sản xuất, doanh thu, giá bán sản phẩm và lựa chọn dựa trên các nguyên tắc lựa chọn biên giới khai trường để xác định các hệ số bóc kinh tế, hệ số bóc giới hạn đảm bảo dự án khả thi; trên cơ sở đó hệ số bóc giới hạn có thể đạt tới $K_{gh} = 1,54 \text{ m}^3/\text{t}$.

Biên giới mỏ được xác định trong dự án nằm trong phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimony đến năm 2025, có xét đến năm 2035 với khối lượng cụ thể như sau:

- Đất đá bóc: 23.688.780 m^3 ;
- Quặng nguyên khai: 17.141.395 tấn;
- Hệ số bóc biên giới, $K_{bg} = 1,382 \text{ m}^3/\text{t}$
- Trữ lượng huy động vào dự án: Trữ lượng địa chất huy động vào khai thác thiết kế các phương án là: 17.200.565 Tấn quặng, hàm lượng trung bình 355,88 gam SnO_2/m^3 .

2. Mở vỉa và trình tự khai thác.

Phương án mở vỉa theo dự án thiết kế là tạo diện công tác đầu tiên tại khu vực tuyến XIX để mở mỏ khu vực phía Tây, đầu vào khai trường mỏ. Hướng phát triển của mỏ tiến dần sang phía Đông của mỏ.

3. Công suất thiết kế, tuổi thọ dự án.

- Công suất thiết kế: 1,5 triệu tấn quặng nguyên khai/năm.
- Tuổi thọ của dự án: $T = 13$ năm.

4. Hệ thống khai thác.

Với các đặc điểm hiện trạng tại thung lũng Nậm Kép một bên là chân núi đá vôi dựng đứng, một bên là các mỏm đồi, chiều dài của mỏ hơn 3.000m, nơi rộng nhất hơn 500m; Từ đó, dự án chọn hệ thống khai thác theo lớp bằng, có vận tải, đổ thải ngoài và đổ thải trong.

5. Công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác mỏ.

Với đặc điểm của một mỏ quặng sa khoáng, đất đá và quặng chủ yếu được xúc trực tiếp bằng máy xúc, trong đất đá đôi khi có lẫn các tảng đá cần làm to trước khi xúc bốc. Do đó, công nghệ khai thác được lựa chọn cho mỏ thiếc Nậm Kép là: Xúc bốc – vận tải – thải đá, đối với đá tảng được làm to bằng khoan nổ mìn trước khi xúc bốc.

6. Vận tải trong mỏ.

Trong dự án này, việc vận tải chủ yếu để vận tải quặng từ khai trường về xưởng tuyển, đất đá thải công trường ra bãi thải và đất đá thải từ xưởng tuyển ra bãi thải. Dựa trên các phân tích về kinh tế, hình thức vận tải phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, dự án đã lựa chọn hình thức vận tải bằng ô tô đơn thuần là hợp lý.

7. Công tác thải đất đá mỏ và thải quặng đuôi.

Tổng khối lượng đất đá thải của dự án khai thác quặng sa khoáng Nậm Kép bao gồm các nguồn:

- Khai trường khai thác mỏ: 23.688.780 m³.
- Đất đá + bùn thải sau tuyển thô: 8.113.068 m³.

Khối lượng đất đá thải của mỏ, một phần được đổ thải vào khai trường mỏ Tinh Túc đang trong quá trình đóng cửa mỏ của Công ty, phần còn lại được đổ thải trong vào khai trường mỏ Nậm Kép.

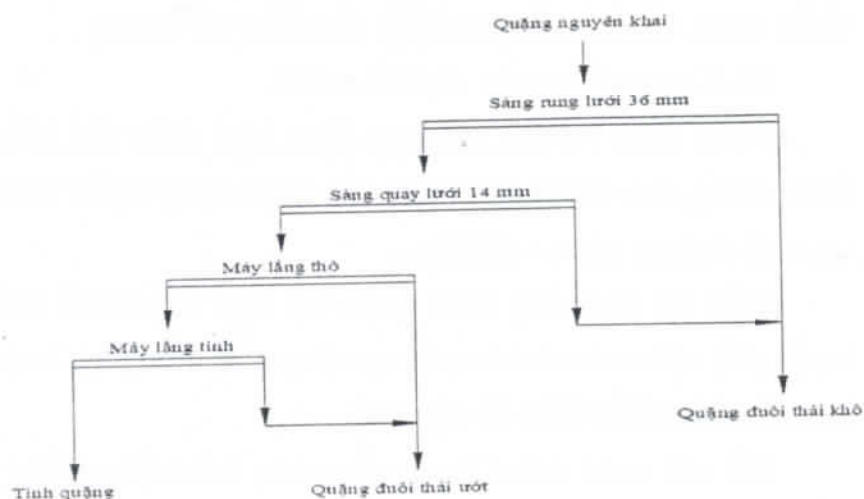
Các thông số bãi thải được thiết kế đảm bảo an toàn bờ mỏ, đảm bảo an toàn trong thiết kế và sử dụng.

8. Thoát nước mỏ và bãi thải.

Công tác thoát nước mỏ Nậm Kép bao gồm nước mặt, nước rò rỉ từ các mương, rãnh thoát nước; nước ngầm. Tổng lượng nước cần bơm thoát nước cho năm đạt công suất thiết kế là 101.297 m³/năm, năm lớn nhất là 1.496.375m³/năm, sử dụng các biện pháp gồm thoát nước tự chảy và bơm cưỡng bức về các hố lắng bùn trước khi đưa ra môi trường.

9. Công tác chế biến khoáng sản.

Đối với sản phẩm quặng tại mỏ thiếc Nậm Kép là thiếc sa khoáng vì vậy thành phần khoáng vật, hàm lượng, chất lượng quặng tương đương với quặng tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, bãi thải Thập Lục Phần đang khai thác. Toàn bộ dây chuyền tuyển của các dự án trước có thể sử dụng lại cho dự án Nậm Kép; công nghệ chủ yếu như sau:



10. Cung cấp điện và trang bị điện

Căn cứ vào công nghệ khai thác, chế biến và bố trí tổng mặt bằng của dự án, phụ tải điện của dự án bao gồm: 05 dây chuyền tuyển thô; hệ thống bơm cấp nước tuyển, bơm thoát nước công trường; Công tác khoan nổ mìn; Hệ thống chiếu sáng, sinh hoạt...

Trên cơ sở tính toán các phụ tải điện; Hệ thống điện sẵn có tại khu vực mỏ của Công ty, dự án tiếp tục sử dụng lại 04 TBA 10/0,4 kV, để phục vụ hoạt động sản xuất, nguồn điện được đầu nối từ lưới điện 10 kV của Công ty đi qua khu vực khai trường mỏ. Toàn bộ trang thiết bị điện được sử dụng lại từ các thiết bị sẵn có của dự án trước.

11. Thông tin liên lạc và tự động hóa.

Hệ thống thông tin liên lạc tại đây khá phát triển, các mạng di động đã phủ sóng toàn bộ khu vực; tại khu vực điều hành của Công ty gồm Ban Giám đốc, các phòng ban, Quản đốc phân xưởng đều được trang bị các máy điện thoại thuê bao cố định.

Đối với hệ thống tự động hóa: Các dây chuyền sản xuất của tuyển được điều khiển bằng hệ thống điều khiển điện tập trung, đóng ngắt bằng các thiết bị thông dụng vì vậy không có nhu cầu tự động hóa.

2923,
GT
HẬP
SẮT
N K
BẮN
NG T.

12. Kiến trúc và xây dựng.

Các công trình xây dựng của dự án chủ yếu tại các dây chuyền tuyển thô, bao gồm: Bể nước tập trung, bunke cấp liệu, các móng máy, các nhà che xưởng tuyển, hệ thống kè. Các công trình được xây dựng đơn giản, hợp lý, tạo được không gian và điều kiện làm việc tốt cho người lao động về các mặt thông gió, chiếu sáng, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo mỹ quan.

13. Cung cấp nước và thải nước.

Nước phục vụ cho các hoạt động khai thác, chế biến quặng thiếc bao gồm: Nước dùng cho sinh hoạt; nước cho hoạt động tuyển thô; nước cho công tác rửa xe, tưới đường, phục vụ khác...

Toàn bộ hệ thống nước được lấy trực tiếp từ bể nước tập trung của xưởng tuyển, đối với nước sinh hoạt được đi qua hệ thống lọc hoặc lấy từ các nguồn nước mặt đảm bảo điều kiện để sử dụng.

Đối với nước thải: Các nguồn nước thải sẽ được tập trung về các hố lắng đi qua các rãnh thug om, sau đó về các bãi thải quặng đuôi của mỏ trước khi đưa ra môi trường. Các nguồn nước thải có yếu tố nguy hại được tập trung thug om để xử lý theo quy định.

14. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài.

Tổng thể dự án bao gồm: Phần khai trường, mặt bằng khu văn phòng, khu xưởng tuyển thô và các công trình phụ trợ như hệ thống đường xá, hệ thống cung cấp điện, nước, hố lắng môi trường.... Các công trình được bố trí đảm bảo phù hợp với công nghệ khai thác, tuyển, luyện, vận tải, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Đối với hệ thống vận tải ngoài được đầu nối từ QL34 tới mỏ bằng tuyến đường vào khai trường mỏ về phía tây và vận chuyển vật liệu bằng ô tô đơn thuần.

15. Tổ chức xây dựng.

Tiến độ xây dựng các công trình tập trung vào năm 01 của dự án. Các hệ thống bom, đường điện được di chuyển tùy thuộc vào tiến độ khai thác.

16. Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy, nổ.

Kỹ thuật an toàn, PCCN được áp dụng nghiêm ngặt theo các Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình thi công xây dựng, khai thác, sản xuất và chế biến tùy thuộc vào tình hình thực tế, Công ty sẽ ban hành các quy định đặc thù đảm bảo an toàn cho người lao động.

17. Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường được phân chia thành các giai đoạn cụ thể (chuẩn bị, xây dựng, hoạt động, kết thúc) được trình bày cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong dự án đã đưa ra được các tác động, giải pháp và các biện pháp cải tạo, bảo vệ môi trường cụ thể nhằm cải thiện, đảm bảo môi trường lao động an toàn, vệ sinh, tránh ảnh hưởng đến môi trường.

18. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng là 109,0 ha, được chia thành 3 giai đoạn chính phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ. Giai đoạn 1 bao gồm các công trình đập ngăn sông, đường vào mỏ, hành lang lưới điện, khu vực khai trường mở mỏ và sản xuất 5 năm... (40ha); Giai đoạn 2 và giai đoạn 3 là khu vực công trường khai thác phù hợp với tiến độ sản xuất của mỏ.

19. Tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư: 84.830.803.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ, tám trăm ba mươi triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng*) đã bao gồm thuế VAT. Trong đó:

ĐVT: 1000 đ

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
A	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ MỚI	71.748.387	5.482.677	77.315.626
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	20.231.450	2.023.145	22.254.595
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	28.930.000	2.893.000	31.823.000
III	CHI PHÍ ĐÈN BÙ, GIẢI TOẢ, TÁI ĐỊNH CƯ	15.293.820		15.293.820
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC	5.637.500	432.808	6.070.308
1	Chi phí quản lý dự án	820.798	82.080	902.878
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.246.430	324.643	3.571.072
3	Chi phí khác	1.570.272	26.085	1.596.358
V	DỰ PHÒNG	1.655.617	133.724	1.873.903
1	Dự phòng khối lượng	966.829	80.234	1.131.626
2	Dự phòng trượt giá	688.788	53.490	742.277
b	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ	6.831.979	683.198	7.515.177
	TỔNG SỐ	78.580.366	6.165.875	84.830.803

20. Hiệu quả kinh tế-xã hội.

Hiệu quả kinh tế của dự án được tính toán dựa trên giá thành, giá bán, các khoản thuế phí phải nộp cân đối với sản lượng và doanh thu sản phẩm.

Trên cơ sở tổng mức đầu tư, phân tích các chỉ tiêu của dự án như sau:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV): 5,1 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C): 1,19
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR): 11,14%
- Thời gian hoàn vốn: 6,23 năm
- Lợi nhuận sau thuế : 81,253 tỷ đồng

(Giá tính doanh thu : Giá thiếc thời 19.950 USD/tấn; Vàng 1,0 tỷ/1 kg 70%Au; Ilmenit 800.000 đ/tấn; tinh quặng WO3: 8,0 triệu đồng/tấn.)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

IV.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.

1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất; tổng mặt bằng được chấp thuận.

1.1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với quy hoạch ngành.

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 02/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimon đến năm 2025, có xét đến năm 2035: Thiết kế cơ sở của dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng phù hợp với quy hoạch của ngành.

1.2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với quy hoạch sử dụng đất; tổng mặt bằng được chấp thuận.

Căn cứ Văn bản số 137/UBND-CN ngày 26/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đồng ý Chủ trương cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được lập các thủ tục xin phép hoạt động khoáng sản tại mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Dự án khai thác khoáng sản thiếc tại Nậm Kép đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương và đưa vào quy hoạch sử dụng đất, mặt bằng khai thác.

2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

2.1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với vị trí địa điểm xây dựng.

Căn cứ vào tổng mặt bằng mỏ trong thiết kế và các tài liệu địa chất đã có: Địa điểm xây dựng mỏ phù hợp với ranh giới cấp phép khai thác, ranh giới trữ lượng và phù hợp với điều kiện tự nhiên của mỏ.

2.2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

Căn cứ vào tổng mặt bằng mỏ và các công trình xây dựng đã có của Công ty thì Báo cáo nghiên cứu khả thi với khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực đảm bảo thông suốt, thuận tiện trong các khâu kết nối dây chuyền sản xuất, điều hành.

3. Sự phù hợp của phương án công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác được lựa chọn.

- Đối với phương án công nghệ và dây chuyền đồng bộ khai thiết bị khai thác được lựa chọn đã đảm bảo hiệu quả về đồng bộ thiết bị và hiệu quả kinh tế.

4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn khai thác, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy.

- Căn cứ các tài liệu địa chất đã có của dự án, các quy định, Quy chuẩn liên quan. Các giải pháp về thiết kế đảm bảo an toàn trong khai thác, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ phù hợp với quy chuẩn hiện hành.

5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế.

- Trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đã tính toán kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn và hoạt động của dự án đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã ban hành của Nhà nước.

6. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của chủ nhiệm và chủ trì lập thiết kế.

- Tổ chức, chủ nhiệm và chủ trì lập thiết kế là các cán bộ lành nghề, đã lập là tham gia lập nhiều dự án lớn trên cả nước, đủ tiêu chuẩn và năng lực để thiết kế dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

7. Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

- Thiết kế cơ sở đã nêu ra dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép được phân theo giai đoạn, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương cũng như đảm bảo phát triển kinh tế bền vững của Công ty.

IV.2. Thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng.

Căn cứ vào các Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc đã được quy hoạch của Chính phủ; Sự cần thiết duy trì sự phát triển ổn định kinh tế xã hội tại thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; nhu cầu thị trường của các ngành chế tạo trong nước và thế giới. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tận dụng được nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có tại địa phương, cung cấp cho thị trường nguồn nguyên liệu, mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, việc đầu tư sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực và tạo việc làm cho một bộ phận người dân địa phương, mang lại nguồn thu cho Công ty và đóng góp nhiều ngân sách cho Nhà nước.

2. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án.

Dự án được xây dựng trên cơ sở các báo cáo thăm dò sơ bộ đã được thẩm định và công nhận phê duyệt của hội đồng trữ lượng Quốc gia, các nguồn tài liệu đáng tin cậy cho rằng dự án khả thi và có hiệu quả khi đi vào hoạt động.

Công nghệ, thiết bị và các giải pháp đồng bộ được áp dụng trong thiết kế cơ sở đã được chứng minh tại các dự án khu Đông mỏ thiếc Tĩnh Túc và dự án khai thác tận thu bãi thải Thập Lục Phần, hiện đang hoạt động hiệu quả. Một phần nhà xưởng nằm trong dây chuyền hiện có của Công ty đảm bảo khi dự án đi vào hoạt động sẽ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

Đối với khả năng đáp ứng tốt của hạ tầng giao thông tại địa phương, hạ tầng thông tin liên lạc; nguồn nhân lực sẵn có; kinh nghiệm tổ chức quản lý của Công ty góp phần đưa dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép có hiệu quả khi đi vào hoạt động.

3. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án.

Các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án như chi phí, giá thành, các khoản thuế phí liên quan đã được tính chi tiết trong thiết kế cơ sở của dự án; Đồng thời căn cứ vào giá bán sản phẩm, dự báo giá sản phẩm trong các năm tiếp theo làm cơ sở để tính toán các chỉ tiêu kinh tế của dự án (NPV, IRR, T...); Qua đó đảm bảo tính hiệu quả kinh tế xã hội và giảm thiểu rủi ro tài chính của dự án. Tóm tắt đánh giá kinh tế của dự án:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV):	5,1 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C):	1,19
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR):	11,14%

- Thời gian hoàn vốn:
- Lợi nhuận sau thuế

6,23 năm
81,253 tỷ đồng

V. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng” đủ điều kiện đề trình xem xét, thông qua và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là báo cáo của tổ thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng “Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua để Công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu KTAT; TCHC.

**TỔ TRƯỞNG
TỔ THẨM ĐỊNH**



[Signature]
Đỗ Hữu Chiêm

Thành viên Tổ thẩm định theo Quyết định số 138/QĐ-KSLK ngày 17/3/2021

1	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Phó giám đốc	Tổ trưởng tổ thẩm định	
2	Ông Nông Văn Duẩn	PP. KTAT	Thành viên	
3	Ông Trương Văn Hải	CV phòng KTAT	Thư ký (tổng hợp)	<i>[Signature]</i>
4	Ông Đặng Giang Nam	TP. KHKD	Thành viên	<i>[Signature]</i>
5	Ông Đàm Nông Minh	PP. TCHC	Thành viên	<i>[Signature]</i>
6	Ông Cung Lê Hoàng	PP. TCKT	Thành viên	<i>[Signature]</i>

Số: 206 /TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành hệ thống mã ngành kinh tế Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả theo đúng với các quy định của pháp luật, phù hợp với mã ngành kinh tế Việt Nam. HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, biểu quyết thông qua về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 4800129232

Ngày cấp: 20/01/2020; Nơi cấp: Phòng đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng.

THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
01	Xây dựng nhà để ở	4101	
02	Xây dựng nhà không để ở	4012	
03	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
04	Xây dựng công trình điện	4221	
05	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
06	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
07	Xây dựng công trình thủy	4291	
08	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
09	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
13	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730	
14	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810	
15	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
17	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
18	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
19	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
20	Sản xuất điện	3511	
21	Truyền tải và phân phối điện	3512	
22	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
23	Sản xuất máy luyện kim	2823	
24	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
25	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
26	Thoát và xử lý nước thải	3700	
27	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110	
28	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đấng, chè dây	0127	
29	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
30	Trồng cây lâu năm khác	0129	
31	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
32	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633	
33	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
34	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101	
35	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đấng, chè dây và chiết xuất tinh	1076	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
	chất chè đắng, chè dây.		
36	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100	
37	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
38	Bán buôn tổng hợp	4690	
39	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299	

2. Bộ ngành, nghề kinh doanh sau: (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng công trình kỹ thuật khác. Chi tiết: - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi giao thông và cơ sở hạ tầng. - Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung, hạ thế	4290	
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai thác chế biến khoáng sản. - Vận tải phục vụ kinh doanh của các đơn vị và làm dịch vụ vận tải theo các hợp đồng kinh tế với các hợp đồng kinh tế. - Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng. - Trồng, chế biến tiêu thụ: Chè đắng, chè dây, một số đặc sản khác. - Các dịch vụ hoạt động khoa học kỹ thuật. - Xuất nhập khẩu các sản phẩm do Công ty sản xuất, các vật tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. - Kinh doanh tổng hợp. - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đắng, chè dây và các loại nước giải khát. - Chiết suất tinh chất chè đắng, chè dây và các loại thảo dược. - Sản xuất kinh doanh rượu, bia.		Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
	- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.		

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau: (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
	Không có		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiên Hải

Số: 207/TTTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006, được sửa đổi bổ sung năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung năm 2021. Điều lệ gồm 21 Chương và 62 Điều.

(Dự thảo Điều lệ kèm theo Tờ trình này)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiên Hải



**DỰ THẢO
THEO TT 116**

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:
 - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty thông qua vào ngày tháng 05 năm 2021;
4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HĐQT”.



- b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- c) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- d) "Vốn có quyền" biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- đ) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- e) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- g) "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- h) "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- i) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
- k) "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- l) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
- m) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
- n) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- o) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành (theo quy định tại Khoản 18, Điều 4, Luật Chứng khoán).
- p) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- q) "Thời hạn hoạt động" có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- r) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- s) "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: CAO BANG MINERAL AND METALLURGICAL JOINT STOCK COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt: KCB

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau: (in biểu tượng của Công ty)



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO), do VIMICO chi phối thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty, thông qua thương hiệu của VIMICO hoặc thông qua các quyền chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý của VIMICO.

5. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Điện thoại: 0263. 505.505;

Fax: 0263. 852.579;

- Website: www.cmamc.com.vn

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 58 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn/[...] năm kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật, là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
01	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Khai thác chế biến quặng thiếc, vàng, bạc, đá quý, vonfram, ti tan	0730	
02	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810	
03	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420	
04	Khai thác quặng sắt	0710	
05	Sản xuất điện	3511	
06	Sản xuất máy luyện kim	2823	
07	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
08	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát các công trình đầu tư xây dựng ngành khai khoáng, luyện kim, ngành công nghiệp và dân dụng.	7110	
09	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chè đắng, chè dây và chiết xuất tinh chất chè đắng, chè dây.	1076	
10	Xây dựng nhà để ở	4101	
11	Xây dựng nhà không để ở	4012	



12	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
13	Xây dựng công trình điện	4221	
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
15	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
16	Xây dựng công trình thủy	4291	
17	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
18	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990	
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
22	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	
23	Sửa chữa thiết bị điện	3314	
24	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
25	Sản xuất sắt, thép, gang	2410	
26	Truyền tải và phân phối điện	3512	
27	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
28	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
29	Thoát và xử lý nước thải	3700	
30	Trồng cây chè Chi tiết: Trồng cây chè đấng, chè dây	0127	
31	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
32	Trồng cây lâu năm khác	0129	
33	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
34	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không cồn	4633	
35	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
36	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101	
37	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100	
38	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
39	Bán buôn tổng hợp	4690	
40	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299	



Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 VNĐ (Tám mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

b) Công ty có thể thay đổi mức vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông khi được Đại hội cổ đông cổ đông thông qua.

d) Chào bán cổ phần:

-Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

- Chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ được thực hiện theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2, Điều 123 Luật doanh nghiệp gồm:

(i) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;

(ii) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

(iii) Chào bán cổ phần ra công chúng.



- Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các Điều 123, 124, 125 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

đ) Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Điều 126 Luật doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Mua lại cổ phần

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại Điều 133 Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, 133 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 Luật doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

g) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này. Trường hợp cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này, thì đương nhiên không còn là cổ đông sáng lập của Công ty, cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần có các quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [...] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán



đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
- Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp cổ đông cá nhân bị chết hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết, đã mất tích khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết, mất tích mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.



6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi và thanh toán mua cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Nếu sau thời hạn quy định, cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Cổ đông chưa thanh toán toàn bộ số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện và quyết định phương án xử lý tiếp theo.

5. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị



thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi do chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

8. Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh cho đến khi cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:



a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

[Các quyền đối với các loại cổ phần khác]

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên [hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty] có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty;

2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.



3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định; không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định và Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ



chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:



- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;



3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu bầu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

7. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;



c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải tuân thủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày



trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ hướng dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- đ) Mẫu chỉ định người đại diện theo ủy quyền dự họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 của Điều này, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 5 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định ở Khoản 6 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Hội đồng quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai thì thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi đi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của



Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký;



trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;



đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 7 Điều này) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

6. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

8. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty;
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:



a) Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp ;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người kiểm phiếu, giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:



a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8, Điều 21 Điều lệ này.

b) Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới

65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) người do Đại hội cổ đông bầu và bãi miễn, số lượng thành viên cụ thể của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

5. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;

- b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- đ) Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.
- h) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- i) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- k) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống bất ngờ phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;



b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của Giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần chào bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;



m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm p, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty (nếu có)

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.



- c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
- d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều này và điểm n, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này tại những công ty khác;
- g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;
- i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác được quy định tại quy chế hoạt động của HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.]

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp định kỳ: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c) Nếu không đủ số lượng thành viên như vậy thì cuộc họp HĐQT sẽ được tổ chức lại lần thứ ba vào ngày làm việc tiếp theo tại cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp HĐQT luôn là hợp lệ mà không phụ thuộc vào số lượng thành viên tham dự.

9. Biểu quyết

a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

đ) Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai lợi ích này trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận, xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt



Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Họp trực tuyến hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận, trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu theo *Điều 158 Luật doanh nghiệp* và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự và người ghi biên bản. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người được mời họp dự thỉnh



Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty, Giám đốc điều hành, các Kiểm soát viên, những cán bộ điều hành khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;



- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC CÔNG TY, VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập và ban hành hệ thống quản lý đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Quy chế quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Giám đốc và các Phó giám đốc Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và cơ chế quản lý công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ điều hành khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc.

4. Tiền lương của Giám đốc và cán bộ điều hành khác của Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Bổ nhiệm.

HDQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về tiền lương, thù lao, và lợi ích khác của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HDQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm.

3. Tiêu chuẩn.

a) Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT và Đại hội đồng cổ đông; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HDQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc hoặc không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch tài chính và thương mại theo thẩm quyền hoặc các hợp đồng, giao dịch đã được HDQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, các cán bộ điều hành khác theo Quy chế quản lý của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;

d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, cho nghỉ chế độ đối với các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty



không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);

đ) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí sử dụng, quyết định lương và phụ cấp (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;

e) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty; góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; đề nghị phê duyệt các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đề nghị thông qua đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty báo cáo HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Xây dựng dự thảo chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

m) Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

o) Thực hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Miễn nhiệm.

HDQT có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế. Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Từ nhiệm hoặc mất tư cách.

a) Khi muốn từ nhiệm, Giám đốc Công ty phải có đơn gửi HDQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, HDQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc tự ý bỏ nhiệm sở 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HDQT phải tạm cử người thay thế không quá 30 ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Số lượng, thành phần, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ 03 người đến 5 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;



d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

4. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên thay thế phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;



b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát và thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

đ) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này;

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

l) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành, quản lý Công ty;

m) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

p) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

q) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c) Người phụ trách quản trị (Thư ký) Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị,

họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

e) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

đ) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký (nếu có) và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.



2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông dự họp về thông tin trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 tương ứng. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Những người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường

hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, hoặc các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cán bộ điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ điều hành khác, các cá nhân và tổ chức có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty và cán bộ điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không



hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định



của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 47. Người lao động, công đoàn và tổ chức chính trị - xã hội

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ điều hành Công ty, các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức



này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

CHƯƠNG XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.

Điều 49. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.



6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và chế độ kế toán doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 53. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này; trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và Tổng công ty Khoáng sản – TKV.

2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Tổng công ty Khoáng sản – TKV.

4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và của Tổng công ty Khoáng sản – TKV

Điều 55. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 176 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều



kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 57. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 58. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Thanh lý



1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến đ trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ điều hành khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ



định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương và 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng nhất trí thông qua ngày . . . tháng . . . năm 2021 tại Cao Bằng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

- Năm 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Đặng Văn Lâm

Hà Ngọc Bình

Trần Văn Chương

Bùi Tiến Hải

**Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
Thành viên HĐQT - Giám đốc**

Trần Văn Chương

Số: 208/TTTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thông qua ngày 14/5/2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Quy chế gồm 5 chương, 21 Điều.

(Dự thảo Quy chế và nội dung chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiên Hải

Số /QĐ - KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
THEO TT 116

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN & LUYỆN KIM CAO BẰNG

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐQT ngày / /2021 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VIMICO (b/c);
- ĐU, HĐQT, BKS Cty;
- Ban GD, CĐ, ĐTN Cty;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu VP, HĐQT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tiến Hải

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN & LUYỆN KIM CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSLK ngày / /2021)

CHƯƠNG I PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. “*Công ty*” là Công ty cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng

2.2. “*Quản trị Công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện việc lãnh đạo và kiểm soát Công ty một cách có hiệu quả.

2.3. *Hội đồng quản trị* do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty Cổ phần Khoáng sản & Luyện kim Cao Bằng (viết tắt là HĐQT);

2.4. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 4. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

Công ty chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất {21 ngày} trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không

có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

6.2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

6.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6.4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

6.5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6.6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6.7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty;

6.8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

6.9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

8. Điều kiện tiến hành

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 8.1 Điều này, thì trong vòng ba mươi

(30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 8.2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

8.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty (kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

10. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

11.1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động được quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

11.2. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại mục 11.1, mục 11.3, mục 11.5 mục này) được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

11.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty.

11.4. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười

lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

11.5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

11.6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả biểu quyết phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, giám đốc Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4, Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

13.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 21 Điều lệ Công ty.

13.2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản, ngoài ra, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 150 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tọa đại hội và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: như quy định thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp đã được nêu tại Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: cổ đông sử

dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Theo hướng dẫn của Công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên 50% tổng số quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào website của Công ty khi thực hiện biểu quyết.

- Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Ban kiểm phiếu căn cứ vào thông tin đăng nhập và thông tin biểu quyết của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: như quy định thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp đã được nêu tại Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: cổ đông tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Công ty sẽ bố trí nhiều phòng họp tại địa điểm tổ chức để đón tiếp cổ đông tham dự cuộc họp, bảo đảm khoảng cách giữa các chỗ ngồi của cổ đông trong suốt cuộc họp. Màn hình chiếu và máy tính có kết nối mạng được chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo đường truyền kết nối giữa các phòng ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa các phòng họp, mang đến sự

liên kết cổ đông ở các phòng khác nhau.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo hướng dẫn của Công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên 50% tổng số quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với Cổ đông tham dự trực tiếp: Phiếu biểu quyết phải được cổ đông hoặc người được ủy quyền đánh dấu chéo (X) vào 01 (một) ô tương ứng: “tán thành”; “không tán thành”; “không có ý kiến” với mỗi nội dung đề nghị biểu quyết.

- Đối với Cổ đông tham dự trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại các phòng họp khác nhau:

+ Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào website của Công ty khi thực hiện biểu quyết.

+ Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

+ Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu căn cứ vào Phiếu biểu quyết và thông tin đăng nhập/thông tin biểu quyết trực tuyến của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo đề nghị của giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của giám đốc Công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức

khác; Quyết định tiên độ huy động vốn điều lệ của Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; thành lập các Công ty con của Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của

pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu thành viên HĐQT

- Đối với Công ty khi chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Đối với Công ty khi niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính.

b. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp điều lệ Công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy

định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

c. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ học vấn;

- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- + Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- + Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- + Các thông tin khác (nếu có).

- Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế này. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

+ Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

+ Trừ trường hợp quy định nêu tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm chức vụ Giám đốc.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

- Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức biểu quyết: Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Cách thức thông qua Nghị quyết (Quyết định) của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu theo khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản họp Hội đồng quản trị có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thông báo các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua; và Công ty công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách

có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- + Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- + Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

a) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

b) Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế này. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 39 của Điều lệ Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

8. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

9. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC

Điều 18. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 19. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

- Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

- Tiêu chuẩn.

+ Giám đốc Công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

+ Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

a. Việc ứng cử, đề cử Giám đốc được thực hiện tương tự quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.

b. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm giám đốc trong các trường hợp sau:

- Có đơn từ nhiệm chức danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với công ty;
- Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian hai (2) năm liên tục;
- Có các thái độ và hành vi trong tiến trình làm việc, mà theo đánh giá của Hội đồng quản trị là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Công ty;
- Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm các quy định về quyền và nhiệm vụ của giám đốc quy định tại

Điều lệ, Quy chế này, và các quy chế quản lý nội bộ khác của công ty;

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với giám đốc

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm giám đốc Công ty.

- Công ty ký hợp đồng lao động với giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với giám đốc

- Công ty thực hiện miễn nhiệm giám đốc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 của Quy chế này.

- Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với giám đốc

Hội đồng quản trị thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động, chứng khoán và đăng tải quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm giám đốc lên trang điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Hội đồng quản trị thông qua quyết định.

6. Tiền lương và lợi ích khác của giám đốc.

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của giám đốc.

Điều 20. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc cùng họp trao đổi công việc với nhau thông qua cuộc họp theo các quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

- Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi Thư mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc. Thư mời họp phải có thời gian, địa điểm, chương trình, nội dung cuộc họp và đính kèm các tài liệu liên quan đến các nội dung thảo luận tại cuộc họp.

- Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có ít nhất một nửa số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa và Thư ký công ty là thư ký cuộc họp.

- Thẻ thức tiến hành cuộc họp tương tự như cuộc họp Hội đồng quản trị đã được qui định tại Quy chế này.

- Tất cả các ý kiến thảo luận của thành viên dự họp phải được Thư ký Công ty ghi chép đầy đủ và lập thành Biên bản cuộc họp tương tự như Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này.

- Kết quả cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc phải được thông báo đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc, và thành viên Ban điều hành chậm nhất là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

- Thư mời họp, các tài liệu liên quan đến các nội dung thảo luận tại cuộc họp và Biên bản cuộc họp phải được lưu giữ tại Công ty theo các qui định lưu giữ tài liệu của Công ty.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị thông báo nghị quyết, quyết định cho Ban Kiểm soát chậm nhất một (01) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Nghị quyết, quyết định.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho giám đốc

Hội đồng quản trị thông báo Nghị quyết, quyết định cho giám đốc chậm nhất một (01) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Nghị quyết, quyết định.

d) Các trường hợp giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát và Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng cách gửi văn bản theo trình tự được quy định như trình tự triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Đề nghị triệu tập phải nêu rõ vấn đề cần xin ý kiến, cơ sở cho việc cần xin ý kiến và các tài liệu đính kèm, nếu có; và gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp.

đ) Báo cáo của giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Giám đốc phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với giám đốc

Giám đốc có trách nhiệm đánh giá và kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị định kỳ trong

vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Bất kỳ khi nào xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu giám đốc, thành viên Ban điều hành báo cáo, giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng cách thông báo trước bằng thư điện tử hoặc bằng văn bản cho người được yêu cầu báo cáo, giải trình ít nhất ba (03) ngày làm việc. Yêu cầu phải nêu rõ các nội dung cần báo cáo, giải trình, thời gian và địa điểm thực hiện việc báo cáo, giải trình.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

- Hội đồng quản trị quyết định, trong cuộc họp đầu tiên của năm tài chính, các nội dung, tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của giám đốc và thành viên Ban điều hành được thực hiện theo các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

- Thời gian tổ chức cuộc họp đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị phải trong tháng 12 của năm tài chính nhưng chỉ sau khi Công ty đã ước tính kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính.

- Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp đánh giá.

- Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định của Quy chế này. Việc khen thưởng và kỷ luật giám đốc và thành viên Ban điều hành được thực hiện theo các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

- Các hình thức khen thưởng bao gồm khen thưởng bằng văn bản có kèm hoặc không kèm hiện vật. Mức thưởng bằng hiện vật do Hội đồng quản trị quyết định tại cuộc họp xem xét việc khen thưởng. Tiền khen thưởng được trích từ tổng mức tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Các hình thức kỷ luật bao gồm khiển trách bằng văn bản, cảnh cáo bằng văn bản, và đề nghị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm.

- Kết quả khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và giám đốc trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp khen thưởng, kỷ luật.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý, điều hành Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tiến Hải

Số: 209/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Quy chế bao gồm 7 Chương, 25 Điều.

(Dự thảo Quy chế và nội dung chi tiết kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiên Hải

Số: /QĐ-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO THEO
TT 116**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- KSLK ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-KSLK ngày /2021 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- VIMICO (b/c);
- ĐU, HĐQT, BKS Công ty;
- Ban GD, CĐ, ĐTN Công ty;
- Các Phòng, Ban Công ty;
- Lưu VP, HĐQT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Tiến Hải

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSLK ngày / /2021)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (sau đây gọi tắt là VIMICO) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ VIMICO.

2. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty (viết tắt là ĐHĐCĐ);

4. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty (viết tắt là HĐQT);

5. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty (viết tắt là GĐ);

6. Ban giám đốc gồm Giám đốc và các Phó giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty (viết tắt là BGD);

7. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao (viết tắt là BKS).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng

quản trị không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành

viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Bị cơ quan Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT;

g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng

quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có thể một hoặc nhiều thành viên (tối thiểu là 03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban

chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy

định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công

ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở đề nghị của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý, điều hành Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Tiến Hải

Mẫu số 01/HĐQT- KSLK

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm

BÁO CÁO
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
V/v:

Tại cuộc họp ...của HĐQT (ĐHĐCĐ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ Điều lệ CÔNG TY được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.../.../...
- Căn cứ đề nghị của tại
- Sau khi tham khảo ý kiến của

BÁO CÁO

1.
2.
3.

Trình hội nghị HĐQT (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua.
Tài liệu tham chiếu kèm theo.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: HĐQT, VP.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Mẫu số 02/HĐQT-KSLK

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Thời gian, địa điểm họp: ...

II. Hình thức họp: ...

III. Thành phần.

Các thành viên HĐQT gồm các ông:

1. Ông ... - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông ... - Thành viên Hội đồng quản trị
- 3.

Mời tham dự:

1. Ông ... - Đại diện Ban Kiểm soát;
- Chủ trì cuộc họp: ...
- Thư ký cuộc họp: ...

IV. Nội dung cuộc họp:

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

1. Nội dung

Xét Tờ trình số về việc...

2. Thảo luận

- Ý kiến:...

3. Nghị quyết

HĐQT nhất trí thông qua.....

gồm các nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

3.1.....

3.2.....

Căn cứ Nghị quyết, giao cho Chủ tịch HĐQT (BKS, Giám đốc...)tổ chức thực hiện

4. Biểu quyết

- Tán thành: Các Thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ ...%.
- Không tán thành: ...
- Ý kiến khác: ...

Kết luận: Các Thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí với tỷ lệ ...% về các nội dung nêu trên.

Các Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết đã thông qua tại Biên bản này.

Biên bản được lập vào hồicùng ngày, tất cả các thành viên HĐQT có mặt tại cuộc họp đều nhất trí thông qua./.

THÀNH VIÊN HĐQT

- 1.**
- 2.**
- 3.**
- 4.**

CHỦ TỊCH HĐQT

THỦ KÝ HĐQT

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: HĐQT, VP.

Mẫu số 03/HĐQT-KSLK

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/NQ-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động ...

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng ngày ...,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt/thông qua gồm các nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

1.1.....

1.2.....

2. Nhất trí thông qua..... gồm các

nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

1.1.....

1.2.....

3. Giao cho Chủ tịch HĐQT (BKS, Giám đốc...)tổ chức thực hiện
.....

Điều 2. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

THÀNH VIÊN HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT

1.

2.

3.

4.

THƯ KÝ HĐQT

Nơi nhận:

-

- Lưu: HĐQT, VP.

Mẫu số 04/HĐQT-KSLK

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Người trưng cầu:

Chủ đề:

NỘI DUNG

A. Phần chung

Đối tượng	
Họ và tên	
Mã số	
Ngày yêu cầu	
Tài liệu tham chiếu	
Người cung cấp	
Ngày nhận ý kiến	
Người tiếp nhận	

B. Phần ý kiến

Đồng ý
Không đồng ý	
Ý kiến bổ sung	

Người nhận
Nhận ngày...../...../...

NGƯỜI THAM GIA Ý KIẾN
....., ngày.....tháng.....năm ...

Mẫu số 05/HĐQT-KSLK

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP
Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Các nội dung thảo luận tại phiên họp thứ.....

Ngày/...../....

A. Phần chung

Các chủ đề thảo luận

- 1.
- 2.
- 3.

.....

B. Phần tổng hợp ý kiến

Chủ đề	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến bổ sung khác
1. Nội dung 1			
2. Nội dung 2			
3. Nội dung 3			
4. Nội dung 4			
5. Nội dung 5			

THƯ KÝ HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT

Số: 210/TT- KSLK

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thông qua;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và ủy quyền cho Ban kiểm soát Công ty ký quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Kết cấu tổng thể gồm:

1.1. Dự thảo quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (kèm theo)

1.2. Bộ cục của quy chế:

Bao gồm: 07 chương; 22 Điều.

2. Nội dung cụ thể, chi tiết:

Như chi tiết đã gửi tới các Quý cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, BKS.



Số: /QĐ-KSLK

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO
THEO TT 116

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng sửa đổi, bổ sung năm 2021 được ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-KSLK ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐQT ngày tháng 5 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Điều 2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban kiểm soát, các bộ phận có liên quan Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty (B/cáo);
- HĐQT Công ty;
- Ban giám đốc;
- TV.BKS ;
- Các Phòng Cty;
- Lưu: TCHC, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Long

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSLK ngày tháng năm 2021)

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (sau đây gọi là Ban kiểm soát) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

**Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích

khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công là từ 03 người đến 05 người, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một

trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ của Công ty làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng

thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, điện thoại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, trang thiết bị cần thiết khác và các chi phí phát sinh với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến các hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định nội bộ của Công ty.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh

ng nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng bao gồm 07 Chương, 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ của Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định tại Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

3. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Long

Số: 197/TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua thay đổi nhân sự đại diện tham gia HĐQT và đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/05/2006; được sửa đổi bổ sung năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-VIMICO ngày 18/3/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản – TKV.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét, quyết định các nội dung sau đây:

I. Việc thay đổi nhân sự đại diện tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản – TKV đã ban hành Quyết định số 265/QĐ-VIMICO về việc thay đổi Người đại diện của Tổng Công ty tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, theo đó ông Bùi Tiến Hải – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thôi là người đại diện phần vốn của Tổng công ty, thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Theo đề cử của cổ đông Tổng công ty Khoáng sản – TKV tại Quyết định số 265/QĐ-VIMICO ngày 18/3/2021: Cử ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, tham gia Hội đồng quản trị và giới thiệu ứng cử chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc thay đổi thành viên HĐQT như sau:

1. Đồng ý ông Bùi Tiến Hải thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Bổ nhiệm ông Lý Xuân Tuyên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021 thay thế ông Bùi Tiến Hải.

(Lý lịch trích ngang của ông Lý Xuân Tuyền đính kèm theo tờ trình)

II. Đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

Theo Điều lệ Công ty quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 người, số lượng thành viên Ban kiểm soát là từ 03 đến 05 người. Hiện nay, số lượng thành viên HĐQT là 04 người, số lượng thành viên Ban kiểm soát là 02 người.

Để đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty theo Quy định của Điều lệ, kính đề nghị các cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu, đề cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Điều kiện giới thiệu, đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 24, khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Thời gian gửi đơn đề cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về Công ty trước ngày 03/05/2021 (Biên bản họp nhóm, mẫu đơn đề cử kèm theo). Địa chỉ nhận đơn đề cử: Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không giới thiệu, đề cử bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty sẽ thực hiện đề cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM

**V/v Đề cử ứng viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT hoặc BKS
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
nhiệm kỳ 2016 – 2021, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2021, tại, chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nắm giữ tổng cộng là cổ phần (viết bằng chữ), chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, với thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại. Dưới đây là thông tin của từng cổ đông trong nhóm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	KÝ TÊN
1					
2					
3					
	Tổng cộng				

Chúng tôi thống nhất đề cử:

1. Ông (Bà):

CMND/căn cước công dân/hộ chiếu số Ngày cấp.....nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Trình độ: Học vấn: ... Chuyên ngành

Hiện đang sở hữu: cổ phần (bằng chữ:)

Tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất đề cử:

Ông (Bà):

CMND/căn cước công dân/hộ chiếu số Ngày cấp.....nơi cấp ...

Địa chỉ thường trú:

Trình độ: Học vấn: ... Chuyên ngành

Hiện đang sở hữu: cổ phần (bằng chữ:)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021 theo Điều lệ Công ty.

....., ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC BAN KIỂM SOÁT
CTCP KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/05/2006 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tên cá nhân/tổ chức:

CMND/căn cước công dân/hộ chiếu/ĐKKD số:.....ngày cấp.....tại.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax.....

Số cổ phần tổ chức/ cá nhân.....sở hữu liên tục ít nhất sáu (06) tháng tại Công ty Cổ phần cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng cho đến thời điểm hiện tại là..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty Cổ phần cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng ghi nhận chúng tôi đã đề cử:

1. Ông/Bà:

Số CMND/Hộ chiếu:Nơi cấp: Cấp ngày: ...

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn kỹ thuật:

2. Ông/Bà:

Số CMND/Hộ chiếu:Nơi cấp: Cấp ngày: ...

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:

Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn kỹ thuật:

Đề bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát Công ty Cổ phần cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 -2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu được các cổ đông tin nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021, người được chúng tôi đề cử xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ĐỀ CỬ

Ảnh 4x6
(ảnh màu mới nhất
có đóng dấu giáp lai
của cơ quan xác
nhận lý lịch)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các thành viên được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016-2021
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh:
2. Họ và tên thường dùng:
3. Bí danh:
4. CMND/ Hộ chiếu số: Cấp ngày:
tại:
5. Giới tính: Nam Nữ
6. Ngày tháng năm sinh:
7. Nơi sinh:
8. Quốc tịch:
9. Dân tộc: 10. Tôn giáo:
11. Nguyên quán:
12. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
13. Địa chỉ thường trú theo CMND:
14. Địa chỉ thường trú hiện nay:
15. Ngày vào cơ quan Nhà nước (nếu có):
16. Ngày vào Đảng (nếu là đảng viên):
17. Ngày tham gia các đoàn thể:
18. Sở trường công tác:
19. Tên của tổ chức đại diện (nếu có):
20. Địa chỉ của tổ chức uỷ quyền đại diện:
21. Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tại TMG:
22. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện tại TMG:
23. Trình độ học vấn:
24. Trình độ chuyên môn (ghi rõ khoá học):
25. Trình độ ngoại ngữ:
26. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp từ năm 18 tuổi):
.....
.....
.....
.....

26. Khen thưởng:
27. Kỷ luật:
28. Chức vụ công tác hiện nay:
29. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH (Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)

Mối quan hệ	Họ và tên	Tuổi	Nơi công tác	Chức vụ

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận¹

..... ngày tháng năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi Chú:

¹Xác nhận của thủ trưởng cơ quan nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân hoặc UBND xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân).

Ảnh 4x6

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Lý Xuân Tuyên
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 18- 2 - 1980
4. Nơi sinh: Cẩm Nhân - Yên Bình - Yên Bái.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: A2605 Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
7. Địa chỉ cư trú hiện nay: A2605 Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
8. Số CMND/CCCD: 063409733, Nơi cấp: CA Tỉnh Lào Cai, Ngày cấp: 09-09-2019
9. Số điện thoại: 0982 387 225
10. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tuyển khoáng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Không
12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
12/2004 09/2005	- Cán bộ kỹ thuật	Phân xưởng Tuyển khoáng – Xí nghiệp Liên doanh đồng – Lào Cai.
10/2005 04/2006	- Cán bộ kỹ thuật	Phân xưởng Tuyển khoáng – Xí nghiệp mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
05/2006 07/2006	- Đốc công Phân xưởng	Phân xưởng Tuyển khoáng - kiêm bí thư Liên chi đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai. kiêm bí thư Liên chi đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
08/2006 09/2007	- Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng - kiêm bí thư Liên chi đoàn	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
10/2007 07/2008	- Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai kiêm Phó bí thư đoàn thanh niên Tổng công ty khoáng sản – TKV.	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
08/2008 06/2009	- Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng, kiêm Phó bí thư đoàn thanh niên	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai

07/2009 01/2010	- Phó quản đốc Phụ trách Phân xưởng Tuyển khoáng	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai
2/2010 – 05/2010	Quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai.
06/2010 01/2011	- Phó Giám đốc Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai kiêm Phó chủ tịch Công đoàn	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai.
02/2011 07/2013	- Phó giám đốc Công ty – Kiêm Chủ tịch công đoàn	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai
08/2013 09/2015	- Bí thư Đảng ủy – Giám đốc	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai.
10/2015 10/2019	- Bí thư Đảng ủy – Giám đốc	Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico, Ủy viên Ban TV Đảng ủy Tcty Khoáng sản.
5/11/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV, Ủy viên Ban TV Đảng ủy	Tcty Khoáng sản - TKV

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty: Không

- Sở hữu cá nhân: phần, chiếm % vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 0 CP

- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

Họ và tên	Số CMND/HC/ GCNĐKDN	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

18. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

Xác nhận của Tổng công ty *la*

(ký xác nhận và đóng dấu)



Trinh Văn Huệ

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Lý Xuân Tuyên